

***SÀI
GÒN
HOÀI
NIỆM***



Thông tin
SÀI GÒN HOÀI NIỆM
Ebook: Cuibap
Text: namkiluctinh

SÀI GÒN

Sài Gòn có bến Chương Dương,
Có Dinh Độc Lập, có đường Tự Do,
Phường Chợ Quán, khóm Cầu Kho,
Bến xe Lục Tỉnh, con đò Thủ Thiêm,
Ô tô buýt chạy khắp miền,
Vườn chơi có Thảo Cầm Viên, Tao Đàn...
Bến Thành đã tiếng tầm vang,
Chợ Cầu Ông Lãnh lại càng nên đi...
Xe đò, xe máy, tắc-xi,
Bình Tây, Khánh Hội ngại gì xa xôi!
Chánh Hưng, Phú Nhuận đây rồi,
Thị Nghè, Tân Định nhiều nơi còn chờ...
Trải bao thay đổi đến giờ,
Khắp nơi đã rợp bóng cờ vinh quang,
Sài Gòn, thủ phủ Việt Nam,
Mai ngày kiến thiết, mở mang còn nhiều.

Bảo Vân

CÀ PHÊ SÀI GÒN XƯA



*B*ạn đã uống cà phê nhiều, bạn biết muốn pha một ly cà phê tuyệt vời đâu có khó. Cà phê loãng nước nhưng đậm mùi thơm, cà phê mít đặc quánh mà vô vị, hãy chọn một tỷ lệ pha trộn thích hợp là đã đi được 70% đoạn đường rồi; muốn kẹo thêm nữa hả? Muốn hưởng cái cảm giác chát chát, tê tê đầu lưỡi phải không? Dễ mà, thêm vào chút xác cau khô là xong ngay. Bạn muốn có vị rum, thì rum; bạn thích cái béo béo, thơm thơm của bơ, cứ bỏ chút bretain vào. Bạn hỏi tôi nước mắm nhĩ để làm gì à? Chà, khó quá đi, nói làm sao cho chính xác đây! Thì để cho nó đậm đà. Đậm làm sao? Giống như uống coca thì phải có thêm chút muối cho mặn mà đầu lưỡi ấy mà. Uống chanh đường pha thêm chút rum cho nó ra dáng tay chơi. Như kẻ hảo ngọt nhưng vẫn cần rằng uống cà phê đen không đường cho lập dị. Thêm đá muốn chết nhưng cứ chồn bạn nhậu thì nằng nặc đòi uống chay không đá cho giống khác người, cho đẳng cấp. Tôi không biết, không tả được, mời bạn hãy thử và tự cảm nhận lấy. Bạn đòi phải có tách sứ, thìa bạc; bạn nói phải nghe nhạc tiền chiến, phải hút Capstan (động vài phát hết gần nửa điếu và rít đỏ đầu), Ruby hay Basto xanh mới đã đời, thú vị phải không? Bạn đã có

đủ những gì bạn cần, sao lại cứ thích đi uống cà phê tiệm? Tôi không trách bạn đâu. Cà phê ngon chỉ mới được một nửa, nhưng chúng ta đâu chỉ cần uống cà phê, chúng ta còn ghiền “uống” con người tại quán cà phê; “uống” không khí và cảnh sắc cà phê; “uống” câu chuyện quanh bàn cà phê và nhiều thứ nữa. Vậy thì mời bạn cùng tôi trở lại không khí cà phê Sài Gòn những năm cuối 1960 và đầu 1970.

Sài Gòn những năm giữa thập niên 1960 đến đầu thập niên 1970 tuổi trẻ lớn lên và tự già đi trong chiến tranh. Những “lưu bút ngày xanh” đành gấp lại; những mơ mộng hoa bướm tự nó thành lỗi nhịp, vô duyên. Tiếng cười dường như ít đi, kém trong trẻo hồn nhiên; khuôn mặt, dáng vẻ tự lự, trầm lắng hơn và đầu óc không thể vô tư nhõn nhõo được nữa. Những điều thuốc đầu tiên trong đời được đốt lên; những ly cà phê đắng được nhấp vào và quán cà phê trở thành nơi chốn hẹn hò để dần trải tâm tư, để trầm lắng suy gẫm. Có một chút bức thiết, thật lòng; có một chút làm dáng, thời thượng. Đối với một thanh niên tỉnh lẻ mới mẻ và bỡ ngỡ, Sài Gòn lớn lắm, phồn vinh và náo nhiệt lắm. Phan Thanh Giản đi xuống, Phan Đình Phùng đi lên; hai con đường một chiều và ngược nhau như cái xương sống xuyên dọc trung tâm thành phố giúp định hướng, tạo dễ dàng cho việc di chuyển. Cứ như thế, cái xe cộ cách, trung thành như một người bạn thân thiết lê la khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định.



Những ngày này, tôi là khách thường trực của quán Cà phê Thu Hương đường Hai Bà Trưng. Quán nằm ở một vị trí đẹp, chiếm ba lô đất góc chéo qua phía trại hòm Tobia; nơi đây có một căn phòng hẹp vừa đặt quầy thu tiền, vừa là chỗ ngồi cho những ai thích nghe nhạc với âm thanh lớn, phần còn lại là một sân gạch rộng, có mái che nhưng không ngăn vách, từ trong có thể nhìn rõ ra đường qua những song sắt nhỏ sơn xanh với một giàn hoa giấy phủ rợp. Ngồi đây có thể nghe được văng vẳng tiếng nhạc vọng ra từ bên trong; cảm được chút riêng tư cách biệt, nhưng đồng thời cũng có thể nhận ra được sức sống bùng lên mỗi sáng, dáng vẻ mệt mỏi, u ám mỗi chiều đang lặng lẽ chảy qua trên đường phía ngoài.

Chủ quán ở đây là một người đặc biệt: Khó chịu một cách dễ thương. Hình như với ông, bán cà phê chỉ như một cách tiêu khiển và pha cà phê là một nghệ thuật kỳ thú. Ông hãnh diện với tên tuổi của Thu Hương và muốn bảo vệ nó. Bạn là khách uống cà phê phải không? Xin cứ ngồi yên đó. Cà phê được bùng tới, ông chủ sẽ ngồi đâu đó quan sát và sẽ xuất hiện đúng lúc cạn phin, sẽ bỏ đường, khuấy đều cho bạn và sẽ lịch sự “xin mời” khi mọi việc hoàn tất. Ly cà phê như vậy mới là cà phê Thu Hương, đó là cung cách của Thu Hương, đặc điểm của Thu

Hương. Trong lãnh vực kinh doanh quán cà phê, có người dùng âm thanh; có người dùng ánh sáng và cảnh trí; có người nhờ sự duyên dáng của tiếp viên; có người dùng phẩm chất của cà phê để hấp dẫn khách. Ông chủ Thu Hương đã chọn cách cuối cùng, cách khó nhất và ông đã thành công. Khách đến với Thu Hương là ai? Nhiều lắm, nhưng dù từ đâu họ đều có điểm giống nhau là tất cả đều trẻ và đều có vẻ “chữ nghĩa” lắm; “ông”, “bà” nào cũng tha tập cours quần tay, cộng thêm các tập san Sử địa, Bách khoa, Văn và văn vân...



Bạn thường ăn phở gà Hiền Vương, phở Pasteur; bạn thường đi qua đi lại liếc liếc mấy bộ đồ cưới đẹp ở nhà may áo dài Thiết Lập, vậy bạn có biết cà phê Hồng ở đâu không? Thì đó chứ đâu, gần nhà may Thiết Lập, cách vài căn về phía đường Nguyễn Đình Chiểu, ngó xéo qua mấy cây cổ thụ ở bờ rào Trung tâm Thực nghiệm Y khoa (Viện Pasteur). Tôi phải hỏi vì tôi biết có thể bạn không để ý. Quán nhỏ xíu hà, với lại cái tên Hồng và tiền diện của nó trông ủ ê cũ kỹ lắm, chứ không sơn phết hoa hòe, đèn treo hoa kết gì cả. Từ ngoài nhìn vào, quán như mọi ngôi nhà bình thường khác, với một cái cửa sổ lúc nào cũng đóng và một cánh cửa ra vào nhỏ, loại sắt cuộn kéo qua kéo lại. Quán hẹp và sâu, với một cái quầy cong cong, đánh verni màu vàng sậm, trên mặt có để một ngọn đèn ngủ chân thấp, với cái chụp to có vẽ hình hai thiếu nữ đội nón lá; một bình hoa tươi; một con thỏ nhồi bông và một cái cắm viết bằng thủy tinh màu tím than. Phía sau, lúc nào cũng thấp thoáng một mái tóc dài, đen tuyền, óng ả, vừa như lãng mạng phơ phơ vừa như then thùng, che giấu.

Cà phê Hồng, về ngoại dáng, thực ra không có gì đáng nói ngoài cái vẻ xuề xòa, bình dị, tạo cảm giác ấm cúng, thân tình và gần gũi; tuy nhiên, nếu ngồi lâu ở đó bạn sẽ cảm được, sẽ nhận ra những nét rất riêng, rất đặc biệt khiến bạn sẽ ghiền đến và thích trở lại. Hồi đó nhạc Trịnh Công Sơn đã trở thành một cái “mốt”, một cơn dịch truyền lan khắp nơi, đậu lại trên môi mọi người, đọng lại trong lòng mỗi

người. Cà phê Hồng đã tận dụng tối đa, nói rõ ra là chỉ hát loại nhạc này và những người khách đến quán - những thanh niên xốc xếch một chút, “bụi” một chút (làm như không bụi thì không là trí thức)- đã vừa uống cà phê vừa uống cái rã rời trong giọng hát của Khánh Ly. Không hiểu do sáng kiến của các cô chủ, muốn tạo cho quán một không khí văn nghệ, một bộ mặt trí thức hay do tình thân và sự quen biết với các tác giả mà ở Cà phê Hồng lâu lâu lại có giới thiệu và bày bán các sách mới xuất bản, phần lớn là của hai nhà Trình Bày và Thái Độ và của các tác giả được coi là dẫn thân, tiến bộ. Lại có cả Time, Newsweek cho những bạn nào khát báo nước ngoài. Quán có ba cô chủ, ba chị em; người lớn nhất trên hai mươi và người nhỏ nhất mười lăm, mười sáu gì đó. Nói thật lòng, cả ba cô đều chung chung, không khuynh quốc khuynh thành gì, nhưng tất cả cùng có những đặc điểm rất dễ làm xốn xang lòng người: Cả ba đều có mái tóc rất dài, bàn tay rất đẹp và ít nói, ít cười, trừ cô chị. Những năm 1980, Cà-phê Hồng không còn, tôi đã thường đứng lại rất lâu, nhìn vào chốn xưa và tự hỏi: Những người đã có thời ngồi đây mơ ước và hy vọng giờ đâu cả rồi? Còn chị em cô Hồng: những nhỏ nhẹ tiểu thư, những thon thả tay ngà, những uyển chuyển “chim di” giờ mò mịt phương nào?



Viện Đại học Vạn Hạnh mở cửa muộn màng nhưng ngay từ những năm đầu tiên nó đã thừa hưởng được những thuận lợi to lớn về tâm lý, cùng với những tên tuổi đã giúp cho Đại Học Vạn Hạnh được nhìn vừa như một cơ sở giáo dục khả tín, vừa như một tập hợp của những thành phần trẻ tuổi ý thức và dẫn thân. Tuy

nhien, dường như cái hồn của Đại Học Vạn Hạnh được đặt tại một tiệm cà phê: Quán Năng Mới ở dốc cầu, ngó xéo về phía chợ Trương Minh Giảng. Quán Năng Mới có nhiều ưu thế để trở thành đất nhà của dân Vạn Hạnh, trước nhất vì gần gũi, kể đến là khung cảnh đẹp, nhạc chọn lọc và cuối cùng, có lẽ quan trọng nhất là sự thấp thoáng của những bóng hồng, có vẻ tha thướt, có vẻ chữ nghĩa. Các nhóm làm thơ trẻ đang lên và đang chiếm đều đặn nhiều cột thơ trên báo chí Sài Gòn ngồi đồng từ sáng đến tối để... làm thơ. Nhưng đông hơn cả, ấm áp hơn cả là những nhóm hai người, một tóc dài, một tóc ngắn chờ vào lớp, chờ tan trường và chờ nhau. Năng Mới đã sống với Vạn Hạnh cho đến ngày cuối cùng. Năng Mới nay không còn. Những con người cũ tứ tán muôn phương.

Có một quán cà phê thân quen nữa không thể không nhắc đến: Quán chị Chi ở gần đầu đường Nguyễn Phi Khanh, kế khu gia cư xưa cũ, rất yên tĩnh và rất dễ thương, nằm phía sau rạp Casino Đa Kao. Ở đó có những con đường rất nhỏ, những ngôi nhà mái ngói phủ đầy rêu xanh, những hàng bông giấy che kín vỉa hè, trầm lắng cô liêu và im ả tách biệt lắm mà mở cửa ra là có thể nghe người bên trái nói, thấy người bên phải cười và có cảm tưởng như có thể đưa tay ra bắt được với người đối diện bên kia đường. Quán chị Chi độ chín mươi thước vuông, chỉ đủ chỗ để đặt ba bốn chiếc bàn nhỏ. Quán không có nhạc, không trưng bày trang trí gì cả ngoại trừ một bức tranh độc nhất treo trên vách, bức tranh đen trắng, cỡ khổ tạp chí, có lẽ được cắt ra từ một tờ báo Pháp. Tranh chụp để thấy một bàn tay giắt một em bé trai kháu khỉnh, vai đeo cặp sách, miệng phụng phịu làm nũng, hai mắt mở to nhưng nước mắt đang chảy dài theo má, phía dưới có hàng chữ nhỏ: "Hôm qua con đã đi học rồi mà". Khách đến với chị Chi không phải coi bảng hiệu mà vào, cũng không phải nghe quảng cáo, mà hoàn toàn do thân hữu truyền miệng cho nhau để đến, nhiều lần thành quen, từ quen hóa thân và quyến luyến trở lại. Chị Chi có bán cà phê nhưng tuyệt chiêu của chị là trà; loại trà mạn sen, nước xanh, vị chát nhưng có hậu ngọt và mùi thơm nức mũi. Trà được pha chế công phu trong những chiếc ấm gan gà nhỏ nhắn, xinh xinh. Ấm màu vàng đất, thân tròn đều, láng mịn, vôi và quai mảnh mai, cân đối. Mỗi bộ ấm có kèm theo những chiếc tách cùng màu, to bằng ngón tay cái của một người mập, vừa đủ cho hớp nước nhỏ. Ấm có ba loại, được gọi tên ra vẻ "trà đạo" lắm: độc ấm, song ấm và quần ấm, nhưng hồi đó chúng tôi thường "diễn nôm" theo kiểu "tiếng Việt trong sáng" thành ấm chiếc, ấm đôi và ấm bự. Trà được uống kèm với bánh đậu xanh - loại bánh đặc biệt của chị Chi- nhỏ, màu vàng óng và mùi thơm lừng. Nhấp một ngụm trà, khẽ một tí bánh, cà kê đủ chuyện trên trời dưới đất, trông cũng có vẻ phong lưu nhàn tản và thanh cao thoát tục lắm. Quán chị Chi giờ đã biến

tướng ít nhiều nhưng dù sao cũng xin cảm ơn chị và xin đại diện cho những anh chị em đã từng ngồi quán chị bày tỏ lòng tiếc nhớ đến chị và đến những ngày khó quên cũ.

Những năm cuối thập niên 60 Sài Gòn có mở thêm nhiều quán cà phê mới, và thường được trang hoàng công phu hơn, có hệ thống âm thanh tối tân hơn và nhất là quán nào cũng chọn một cái tên rất đẹp, phần lớn là dựa theo tên những bản nhạc nổi tiếng: Cà phê Hạ Trắng, Lệ Đá, Diễm Xưa, Hương Xưa, Hoàng Thi, Biển Nhớ, Hoài Cảm, Da Vàng... Tuy nhiên, ở một con đường nhỏ - Hình như là Đào Duy Từ - gần sân vận động Thống Nhất bây giờ, có một quán cà phê không theo khuôn mẫu này, nó mang một cái tên rất lạ: Quán Đa La. Đa La là Đà Lạt, quán của chị em cô sinh viên Chính Trị Kinh Doanh, có lẽ vừa từ già thác Cam Ly, hồ Than Thở để về Sài Gòn học năm cuối tại nhà sách Xuân Thu hay sao đó, mở ra. Trường kinh doanh quả là khéo đào tạo ra những môn sinh giỏi kinh doanh: Tin mấy cô sinh viên mở quán thật tình là không được chính thức loan báo ở đâu cả; tuy nhiên, cứ úp úp mở mở như vậy mà tốt, nó được phóng lớn, lan xa, tạo ấn tượng mạnh và quán được chờ đón với những trân trọng đặc biệt, những náo nức đặc biệt. Những cô chủ chắc có máu văn nghệ, đã cố gắng mang cái hơi hướm của núi rừng Đà Lạt về Sài Gòn: Những giò lan, những giỏ gửi sơn nữ, những cung tên chiến sĩ đã tạo cho quán một dáng vẻ ngồ ngộ, dễ thương; rồi những đôn ghế, những thớt bàn được cưa từ những gốc cây cổ thụ u nần, mang về rừng núi, cổ sơ đã giúp cho Đa La mang sắc thái rất ... Đa La. Ngày khai trương, Đa La chuẩn bị một chương trình văn nghệ hết sức rôm rả, với những bản nhạc “nhức nhối” của Lê Uyên Phương, Nguyễn Trung Cang, Lê Hựu Hà... Đa La đông vui, chứng kiến sự nở hoa và tàn úa của nhiều mối tình. Nhưng Đa La vắng dần những người khách cũ và đóng cửa lúc nào tôi không nhớ.



Cà phê Hân ở Đình Tiên Hoàng, Đa Kao là quán thuộc loại sang trọng, khách phần lớn ở lớp trung niên và đa số thuộc thành phần trung lưu, trí thức. Bàn ghế ở đây đều cao, tạo cho khách một tư thế ngồi ngay ngắn, nghiêm chỉnh và bàn nào cũng có đặt sẵn những tạp chí Pháp ngữ số phát hành mới nhất. Câu chuyện ở Hân chắc là quan trọng lắm, lớn lắm; nhìn cái cách người ta ăn mặc; trông cái vẻ người ta thể hiện là biết ngay chứ gì; có lẽ cả thời sự, kinh tế tài chánh, văn chương, triết học đều có cả ở đây. Một chỗ như vậy là xa lạ với dân ngoại đạo cà phê. Nhưng Hân là một nơi hết sức đáng yêu, đáng nhớ của nhiều người, dù ngồi quây là một ông già đeo kính như bước ra từ một câu chuyện của văn hào Nga Anton Chekov. Về sau, đối diện với Hân có thêm quán cà phê Duyên Anh của hai chị em cô Hà, cô Thanh; cô em xinh hơn cô chị và được nhiều chàng trồng cây si. Hai tiệm cà phê, một sang trọng chững chạc, một trẻ trung sinh động, đã trở thành một điểm hẹn, một đích tới mà khi nhắc đến chắc nhiều anh chị em ở trường Văn Khoa, trường Dược, trường Nông Lâm Súc ngay góc Hồng Thập Tự - Cường Để còn nhớ, cũng như nhớ món bánh cuốn ở đình Tây Hồ bên trong chợ Đa Kao thờ cụ Phan, nhớ quán cơm “lúc lắc” trong một con hẻm nhỏ đường

Nguyễn Bình Khiêm mà nữ sinh viên vừa đi lên căn gác gỗ vừa run khi được mấy chàng mời cơm.

Bạn nào muốn gặp các nhà văn nhà thơ, muốn nhìn họ ngậm ống vớ, đeo kính cận nói chuyện văn chương thì mời đến quán Cái Chùa, anh em nào muốn có không khí trẻ trung đầm ấm mời đến Hầm Gió; anh em nào muốn có chỗ riêng tư tâm sự thì cứ theo đường Nguyễn Văn Học chạy tuốt lên Gò Vấp, vào quán Hương Xưa, ở đó có vườn cây đẹp, các cô chủ đẹp và cái cách người ta đối đãi với nhau cũng rất đẹp. Cũng đừng quên nhắc đến quán Chiêu, hẻm Cao Thắng. Rồi còn cà phê hàng me Nguyễn Du, cũng Beatles, cũng Elvis Presley như ai ; và cả pha chút Adamo quyến rũ. Giá ở đây thật bình dân nhưng thường xuyên chứng kiến những pha so găng giữa học sinh hai trường nghề Cao Thắng và Nguyễn Trường Tộ.

Chán cà phê thì đi ăn nhậu sò, bò bía, ăn kem trên đường Nguyễn Tri Phương, góc Minh Mạng hoặc bên hông chợ Tân Định. Phá lấu đã có góc Pasteur-Lê Lợi, nhưng chỉ dành cho các bạn có tiền. Rùng rinh tí xu dầy kèm cuối tháng có Mai Hương (nay là Bạch Đằng Lê Lợi). Quán Mù U, hẻm Võ Tánh, chỗ thương binh chiếm đất ở gần Ngã tư Bảy Hiền dành cho những bạn muốn mờ mờ ảo ảo. Muốn thưởng thức túp lều tranh mời đến cà phê dựa tường Nguyễn Trung Ngạn gần dòng Kín, đường Cường Để. Rồi quán cà phê Cháo Lú ở chợ Thị Nghè của một tay hoạ sĩ tên Vị Ý. Cao cấp hơn có La Pagode (đổi thành Hương Lan trước khi giải thể), Brodard, Givral. Thích xem phim Pháp xưa, phim Mỹ xưa và ngồi... cả ngày xin mời vào rạp Vĩnh Lợi trên đường Lê Lợi để chung vai với đám đồng tính nam. Vào Casino Sài Gòn có thể vào luôn hẻm bên cạnh ăn cơm trưa rất ngon tại một quầy tôi đã quên tên. Nhưng rạp Rex vẫn là nơi chọn lựa nhiều nhất của SV, cả nghèo lẫn giàu. Cuộc sống SV cứ thế mà trôi đi trong nhịp sống Sài Gòn. Nghèo nhưng vui và mơ mộng. Tống Biệt hành, Đôi mắt người Sơn Tây sống chung với Cô hái Mơ. Đại bác ru đêm sánh vai với Thu vàng. Ảo vọng và thực tế lẫn vào nhau. Thi thoảng lại pha thêm chút Tội ác Hình phạt, Zara đã nói như thế! Che Guervara, Garcia Lorca. Tất cả những gì tôi nhắc tới là một chút ngày cũ, một chút cảnh xưa, một phần hơi thở và nhịp sống của Sài Gòn trong trí nhớ. Xin tặng anh, tặng chị, tặng em, đặc biệt là tặng tất cả những ai tha hương có lúc bỗng bàng hoàng nhận thấy, dường như một nửa trái tim mình còn đang bay lơ lửng ở cà phê Hồng, Thu Hương, hay đâu đó ở quê nhà.

Lương Thái Sỹ - An Dân

CÁC RẠP CẢI LƯƠNG XƯA Ở SÀI GÒN

Có một thời cải lương ở Sài Gòn rất được ưa chuộng. Đó là giai đoạn cực thịnh hay giai đoạn lên ngôi của cải lương miền nam Việt Nam trước 1975, nhiều rạp cải lương mọc lên chẳng thua kém gì các rạp chiếu bóng thời đó. Và một số chủ rạp chiếu bóng thấy có nhiều đoàn hát cải lương, khán giả cải lương đông đảo hơn khán giả xem phim nên họ sửa các rạp chiếu phim thành rạp hát cải lương.

Khu vực Saigon:

Rạp Norodom – nay là Công ty Xổ số kiến thiết thành phố – 23, Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q1. Nằm đối diện với một đơn vị quân đội Pháp, sau là cơ quan chiến tranh chính trị của quân đội Việt Nam Cộng Hòa nên khán giả ngại, ít đến rạp này để xem hát. Đoàn Việt Kịch Năm Châu có hát ở rạp Norodom vài lần. Cơ quan xổ số Kiến Thiết Quốc Gia dùng rạp Norodom để xổ số kiến thiết mỗi tuần, có phụ diễn văn nghệ(ca múa nhạc). Rạp Norodom được đài phát thanh Pháp Á chọn làm nơi tổ chức cuộc thi tuyển lựa ca sĩ nhi đồng vào năm 1956, và nữ ca sĩ Khánh Ly đạt giải nhất, nữa ca sĩ Lê Mai đạt giải nhì trong cuộc thi này. Cuối năm 1954 Ca sĩ Thúy Nga (vợ của cố nhạc sĩ Hoàng thi Thơ) dự thi Tuyển lựa Ca Sĩ do Đài phát thanh Pháp Á tổ chức tại rạp Norodom, và cô thiếu nữ Thúy Nga 18 tuổi lúc bấy giờ đã đoạt giải nhất của cuộc thi Sau này rạp Norodom trở thành Công ty Xổ số kiến thiết thành phố trên đường Lê Duẩn, Q1



Rạp Norodom ngày nay là công ty Xổ Số Kiến Thiết

Aristo là một rạp hát cải lương lớn ở Sài Gòn trước năm 1954. Rạp Aristo, còn có tên gọi là Trung Ương Hí Viện, nằm trên đường Colonel Budonnet tức đường Lê Lai ngày nay. Đây từng là nơi trình diễn thường trực của đoàn cải lương Kim Chung di cư từ miền bắc vào nam.

Không ai còn nhớ tên người chủ rạp Aristo, tức Trung Ương Hí Viện, và cũng không ai biết nó có tự bao giờ. Thuở đầu tiên, đó là một nhà hàng sang trọng, có một sân khấu nhỏ để những tối thứ bảy, ban đờn ca tài tử đến ca giúp vui cho thực khách. Có khi chủ nhà hàng thay ban đờn ca cổ nhạc bằng một dàn nhạc nhẹ chuyên trình tấu các bản nhạc cổ điển Pháp, dàn nhạc Tây có piano, violin, saxo, clarinette. Trong số thực khách quen thuộc có ông Trưởng tòa Phan Văn Thiết, ông Đốc phủ Đỗ Văn Rỡ, ký giả Trần Tấn Quốc, ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý, ông Nguyễn Công Thiện, Giám đốc hãng xăng Esso-Sài Gòn, là những người say mê nghệ thuật hát bội nên thường rước các ban hát bội về hát tại nhà hàng Aristo. Đầu năm 1940, do khán giả đến xem hát rất đông nên ông chủ nhà hàng mới dẹp cái restaurant đó, phá nó để xây lại thành một rạp hát đài hoàng, có sân khấu theo đúng tiêu chuẩn của một rạp hát lớn, có hậu trường, có hầm sân khấu và khán phòng với 800 ghế ngồi bọc simili đỏ (vải cao su giả da màu đỏ) giống các rạp chiếu phim Tây như rạp Moderne, rạp Majestic, rạp Eden.

Rạp Aristo từng được các đoàn cải lương đại ban về diễn như gánh hát Nam Phi của bầu Năm Phi-Chín Bia, gánh cải lương tuồng Tàu Phụng Hảo của bầu Nhơn-Phùng Há, gánh hát thi ca vũ nhạc Nam Hồng của bầu Trình, gánh hát Hoa Sen của bầu Bảy Cao, gánh Việt Kịch Năm Châu của ông bầu Năm Châu.



SAIGON - Le théâtre Aristo

Rạp Aristo trước 1975.



Rạp Aristo ngày nay là khách sạn New World Sài Gòn.

*** Một số sự kiện lớn liên quan đến rạp Aristo:**

Hai phong trào: Chấn Hưng Hát Bội và Canh Tân Hát Bội cũng được tổ chức tại rạp Aristo:

Năm 1948-1949, ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý và bác sĩ Võ Duy Thạch phối

hợp với ký giả Trần Tấn Quốc, Đốc phủ sứ Đỗ Văn Rỡ và Trưởng tòa Phan Văn Thiết mời các ban hát bội về diễn tại rạp Aristo, với các thành phần diễn viên tài danh nhất của ngành hát bội như Năm Đồ, Mười Sự, Minh To, Mười Vàng, Tám Văn, Năm Còn, Tư Châu, Ba Út, Kim Chắc... Họ hát các tuồng thầy như: San Hậu, Tam Nữ Đồ Vương, Trầm Hương Các; và các tuồng hát bội với cốt truyện Tàu như: Trảm Trịnh Ân, Đào Tam Xuân, Phụng Nghi Đình, Lưu Kim Đính, Xử Án Bàng Quý Phi...

Lúc đó, có những nghệ sĩ muốn Canh Tân Hát Bội bằng cách tuy vẫn hát tích truyện cũ nhưng lời văn bỏ bớt những câu chữ Nho, bớt lối văn biên ngẫu mà thay vào đó bằng những câu văn thường hoặc sau khi hát câu chữ Nho, nghệ sĩ nói lối thêm bằng văn thường để nói lên ý nghĩa của câu chữ Nho vừa mới hát giúp cho khán giả không biết chữ Nho có thể hiểu cốt truyện tuồng. Ngoài ra, những người chủ trương Canh Tân Hát Bội còn bớt lối hát Nam, hát Khách bằng cách xen vào ca các bài bản cải lương theo lối hát cải lương tuồng Tàu. Họ lược bỏ khỏi dàn nhạc hát bội những trống chiêng, kèn lá, thêm tranh cảnh và y trang như các đoàn hát tuồng Tàu, các đoàn hát Quảng Đông.

Nhiều nghệ sĩ hát bội bậc thầy như Tám Văn, Mười Vàng, Năm Đồ, Ba Út và các nhà trí thức say mê nghệ thuật hát bội như các ông Đỗ Văn Rỡ, Thân Văn Nguyễn Văn Quý, ký giả Trần Tấn Quốc đã vận động báo chí ủng hộ sự thành lập Ban Chấn Hưng Hát Bội do ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý và bác sĩ Võ Duy Thạch trực tiếp điều hành. Đây là một hội đoàn tư nhân, họ kiên trì vận động các nghệ sĩ hát bội có tâm huyết với nghề để bảo vệ nghệ thuật cổ truyền, chống sự lai tạp theo kiểu hát bội pha cải lương.

Hội Khuyến Học Nam Việt tích cực vận động các ký giả các nhật báo và tạp chí văn học, các nhà trí thức thích xem hát ủng hộ chủ trương đứng đắn của Ban Chấn Hưng Hát Bội, nên vào năm 1952 Ban Chấn Hưng Hát Bội xin được giấy phép thành lập Hội Khuyến Lệ Cổ Ca do chánh phủ Nam Việt cấp. Hội Khuyến Lệ Cổ Ca lấy rạp Aristo làm trụ sở, mở nhiều cuộc hội họp diễn thuyết chủ trương của Hội.

Đoàn Việt Kịch Năm Châu với chủ trương “Sân Khấu Thật và Đẹp” tại rạp Aristo:

Sự kiện quan trọng đáng ghi nhớ là đoàn Việt Kịch Năm Châu công bố chủ trương thực hiện một sân khấu “Thật và Đẹp” trong dịp tổ chức cúng Tổ năm 1952 tại rạp Aristo.

Đứng đầu các ký giả có nhiệt tâm với nghệ thuật sân khấu là ông Trần Tấn Quốc, ông nhiệt liệt hoan hô và tán thành chủ trương thực hiện một sân khấu

“Thật và Đẹp” của nghệ sĩ Năm Châu.

Do quan niệm sân khấu cải lương “Thật và Đẹp” nên soạn giả Năm Châu hướng dẫn cho nghệ sĩ trong đoàn hát nên chú trọng nghệ thuật diễn xuất, biểu hiện nội tâm nhân vật qua lời đối thoại, bót ca cổ nhạc. Trong tường ít viết vọng cổ và trước khi nghệ sĩ ca vọng cổ, dàn đờn không rao trước để cho nghệ sĩ bắt hơi. Nghệ sĩ diễn như diễn kịch và ca cổ nhạc theo khuynh hướng ca nói (ca như nói chớ không đưa hơi ơ... ơ... như lối ca từ trước đến nay).

Đoàn Việt Kịch Năm Châu mất dần khán giả vì trong thời kỳ này khán giả thích nghe ca vọng cổ với những giọng ca vàng như giọng ca của Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Thanh Hương, Út Bạch Lan.

Rạp Aristo: Nơi khai sinh đoàn cải lương Kim Thanh - Út Trà Ôn:

Cuối năm 1954, sau khi mãn hợp đồng với đoàn hát Thanh Minh bầu Năm Nghĩa, các nghệ sĩ Kim Chưởng, Út Trà Ôn, Thanh Tao và Thúy Nga hợp tác với nhau thành lập đoàn hát Kim Thanh-Út Trà Ôn (Kim Thanh-Út Trà Ôn là tên ghép của ba danh ca Kim Chưởng + Thanh Tao + Út Trà Ôn). Đoàn cải lương Kim Thanh muốn rạp Aristo với một giá thật rẻ để làm chỗ tập tuồng, đóng cảnh trí và quy tụ nghệ sĩ. Từ năm 1953-1954, ít khán giả đến rạp Aristo xem hát vì các đoàn hát lớn hát ở rạp Nguyễn Văn Hảo, rạp Thành Xương, là những rạp ở mặt tiền đường lớn. Ông chủ rạp cho đoàn Kim Thanh-Út Trà Ôn muốn với giá rẻ để đoàn hát làm chỗ tập tuồng với ý muốn nhờ đoàn Kim Thanh mà phục hồi phong độ của rạp Aristo như hồi cực thịnh (năm 1940-1952). Đoàn Kim Thanh-Út Trà Ôn hát khai trương tuồng Tình Duyên Hoa Thắm vào ngày 04/01/1955, hát vở này suốt 3 tuần lễ. Thành phần nghệ sĩ gồm có danh ca Út Trà Ôn, Thanh Tao, Phước Trọng, Kim Chưởng, Thanh Hương, Thúy Nga, Út Bạch Lan,...và hát các tuồng: Trăng Nước Lam Giang, Tình Duyên Hoa Thắm, Thoại Khanh Châu Tuấn, Sau Bức Màn Nhung.

Rạp Aristo: Nơi khai sinh và diễn thường trực của đoàn Kim Chung - Tiếng Chuông Vàng Bắc Việt:

Vào tháng 10 năm 1954, ông bầu Trần Viết Long ký hợp đồng muốn rạp Aristo trong một năm với một giá rất rẻ để làm nơi tập tuồng và củng cố lại đoàn hát Kim Chung-Tiếng Chuông Vàng Bắc Việt vừa mới di cư vào Nam sau hiệp định đình chiến Genève 54. Thời kỳ đó chưa có đoàn hát nào ở miền Nam hát thường trực hằng tháng ở một rạp. Thế nhưng đoàn Kim Chung-Tiếng Chuông Vàng Bắc Việt đã lập kỷ lục hát liên tục 40 suất một vở tuồng (tuồng Trăng Giãi Đêm Sương) tại rạp Aristo, khiến cho báo chí, nghệ sĩ và các ông bà bầu gánh hát cải lương miền Nam phải chú ý và để tâm nghiên cứu hiện tượng này.

Đến năm 1958, đoàn Kim Chung không thu hút được khán giả nữa. Và sau năm 1958, khi Kim Chung muốn rạp Olympic làm nơi diễn thường trực thì rạp Aristo bị bỏ hoang, cho đến sau năm 1975, vùng đất này được dùng làm nơi cất lên khách sạn năm sao, Sài Gòn New World Hotel, chấm dứt vĩnh viễn sự tồn tại của rạp hát Aristo.

(Theo soạn giả Nguyễn Phương)

Rạp Olympic – nay là Trung tâm Văn hóa TP.HCM – 97, Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Thành, Q1. Rạp được công ty Kim Chung của ông bầu Long độc quyền cả chục năm trời từ sau năm 1958 cho 5 đoàn hát của công ty luân phiên diễn. Với các vở diễn nổi tiếng một thời: Mạnh Lệ Quân, Lan và Điệp,.... :



Rạp Olympic thập niên 60.



Rạp Olympic bây giờ là Trung tâm văn hoá thành phố.

* Khu vực “ngã tư quốc tế” (trục Phạm Ngũ Lão, Trần Hưng Đạo ngày nay) trở thành một trong những khu hoạt động nhộn nhịp nhất của làng văn nghệ Sài Gòn

ngày đó. Mặc dù mật độ các rạp hát khá dày (Nguyễn Văn Hào, Thanh Bình, Hưng Đạo, Quốc Thanh, Khải Hoàn) nhưng các đoàn hát lớn thường xuyên tập kết về, đây trở thành nơi tập trung, điểm hẹn của nhiều nghệ sĩ, giới ký giả kịch trường, các ông bà bầu muốn “săn” đào kép mới cũng tìm đến đây. Các rạp thuộc khu vực này gồm:

Rạp Quốc Thanh – nay là nhà hàng, tiệc cưới Quốc Thanh – 271, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q1. Được thành lập năm 1960 khi đoàn Thái Dương ra đời, rạp cũng là nơi đóng đô của đoàn Dạ Lý Hương của ông bầu Xuân. Rạp có máy lạnh, có 1000 ghế trong khán phòng và sân khấu được thiết kế rộng rãi.



Rạp Quốc Thanh giờ là nhà hàng tiệc cưới Quốc Thanh.

Rạp Thanh Bình – sau đổi là rạp Quốc tế, gần chợ Thái Bình trên đường Phạm Ngũ Lão, nay là căn hộ chung cư cao cấp. Là rạp có thang cuốn đầu tiên ở Việt Nam tại Sài Gòn. Lúc đầu là rạp chiếu bóng, sau được ông Diệu sửa thành rạp cải lương để đoàn hát Thủ Đô của ông Ba Bản khai trương, ghi một dấu ấn sâu sắc trong lãnh vực nghệ thuật sân khấu cải lương là có một đoàn hát Thủ Đô có nhiều tuồng hay, có cảnh trí tuyệt đẹp và dàn cảnh vĩ đại.



Rạp Thanh Bình giờ là căn hộ chung cư cao cấp, phía dưới là International Plaza.

Rạp Hưng Đạo – 136, Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Q1. Ra đời ở thập niên 60. Hiện tại rạp đã bị đập ra cho dự án xây dựng thành Trung tâm Biểu diễn Nghệ thuật Cải lương TPHCM.

Nghệ sĩ cải lương trong các thập niên 60, 70, 80, không có nghệ sĩ nào là không có dịp hát trên sân khấu của rạp hát Hưng Đạo, một rạp hát lớn nhất ở Sài Gòn, Chợ Lớn và Gia Định. Do đó, rạp hát Hưng Đạo lưu giữ nhiều kỷ niệm, nhiều sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển của nhiều đoàn hát đại ban. Rạp Hưng Đạo cũng là nơi mà nhiều đoàn hát đã hát những tuồng xã hội cận đại rất hay, nhiều tuồng Tàu, tuồng Hồ Quảng và cả những tuồng chiến tranh của đoàn hát Hoa Sen. Ngày nay, mỗi khi nhắc lại những tuồng từng thu hút đông đảo khán giả, các nghệ sĩ cải lương còn rút ra được nhiều bài học quý giá về kỹ thuật dàn dựng tuồng, nhiều cốt truyện hay, nhiều giai thoại về các nghệ sĩ thính sắc lưỡng toàn, những chuyện tình không đoạn kết giữa nghệ sĩ và khán giả, giữa nghệ sĩ và nghệ sĩ...

Năm 1958, ông Nguyễn Thành Niệm, một nhà tư sản chủ hãng xuất nhập cảng xe hơi, đồ phụ tùng xe hơi, xe găng máy, tủ lạnh và máy lạnh ở ngay ngã tư các đường Hưng Đạo, Nguyễn Cư Trinh và Cô Bắc, bỏ tiền ra xây cất tòa nhà Hưng Đạo 1, Rạp Hưng Đạo và một tòa nhà khác được đặt tên là Hưng Đạo 2 ở ngay ngã tư, góc đường Phát Diệm và đường Hưng Đạo.

Đến đầu năm 1960 thì ba công trình xây cất này mới hoàn thành và đưa vào thị trường khai thác. Lúc đó đoàn Thanh Minh-Thanh Nga còn mượn thường trực rạp hát Thành Xương ở đường Yersin của ông Phạm Minh Tấn. Ông Ân, em vợ của ông Nguyễn Thành Niệm, được trao quyền quản lý rạp Hưng Đạo. Ông Ân đã mời bà bầu Thơ đến văn phòng của ông trên lầu ba ở ngay mặt tiền rạp Hưng Đạo để giới thiệu rạp hát và mời bà bầu Thơ đưa đoàn hát Thanh Minh-Thanh Nga về hát khai trương và ký hợp đồng hát thường trực ở rạp Hưng Đạo.

Rạp mới Hưng Đạo có 1100 ghế, trừ đi những hàng ghế có chữ R tức réserver dành cho chủ rạp, đoàn hát còn 1000 ghế, chia ra 300 ghế thượng hạng giá vé mỗi ghế là 120 đồng, 200 ghế hạng nhứt, mỗi vé là 80 đồng, 200 ghế hạng nhì, mỗi vé là 60 đồng, 300 ghế hạng ba, mỗi vé là 40 đồng, nếu bán hết số vé trên, số thu trong một đêm là 76.000 đồng. Rạp Hưng Đạo ở địa điểm tốt, có máy lạnh nên dù hát trưa chửa nhứt hay những ngày mùa hè, khán giả đến xem hát nghệt rạp vẫn cảm thấy thoải mái, dễ chịu.

Trong bảy năm, từ 1960 đến năm 1967, đoàn Thanh Minh-Thanh Nga hát thường trực tại rạp Hưng Đạo, lúc nào cũng đông khách, với những tuồng hát: Nửa Đồi Hương Phấn, Con Gái Chị Hằng, Đôi Mắt Người Xưa, Ngả Rẽ Tâm Tình, Áo Cưới Trước Cổng Chùa, Vàng Sáu Bạc Mười, Bọt Biển 1 (Chuyện Chúng Mình) Bọt Biển 2 (Chuyện Xóm Mình, Bọt Biển 3 (Chuyện Tình và Tiền), Bọt Biển 4 (Chuyện Trên Cung Trăng), Hoa Mộc Lan, Rồi Ba Mươi Năm Sau.

Bà bầu Thơ biết khi có tuồng mới, đáp ứng theo yêu cầu của khán giả thì đoàn hát sẽ có doanh thu cao, vì vậy bà dám mượn bảy soạn giả thường trực, luân phiên cung cấp tuồng mới cho gánh hát. Đó là các soạn giả Hà Triều, Hoa Phượng, Thiếu Linh, Nguyễn Phương, Kiên Giang, Hoàng Khâm, Viễn Châu.

Khán giả trí thức, công chức, các bà chủ sạp trong các chợ Bến Thành, cầu Ông Lãnh, chợ An Đông, các em học sinh và đông đảo các cô vũ nữ, gái bán bar là khán giả thường xuyên của đoàn hát Thanh Minh-Thanh Nga. Họ thân thiết với nghệ sĩ, có nhiều nghệ sĩ có vợ trong giới vũ nữ. Ở đô thành tình hình an ninh bảo đảm, sinh hoạt của dân chúng trong các lãnh vực mua bán, ăn uống, giải trí về đêm ngày càng phát triển, điều đó giúp cho các nhà tư sản dám bỏ vốn ra đầu tư xây dựng thêm nhiều rạp hát và lập ra nhiều gánh hát cải lương.

(Theo soạn giả Nguyễn Phương)



Rạp Hưng Đạo xưa.



Rạp Hưng Đạo nay đã bị đập và tạm thời là nơi rửa xe.

Rạp Nguyễn Văn Hảo – nay là rạp Công Nhân, trụ sở Nhà Hát Kịch Thành Phố, Số 30, Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Q1. Một rạp hát được mệnh danh là

Hàng Không Mẫu Hạm trước 1975, nơi đóng đô của một số đoàn hát cải lương lớn ở Sài Gòn ngày trước như: đoàn Việt Kịch Năm Châu, đoàn Hương Mùa Thu, đoàn Hoa Sen.

Mặt tiền của Rạp hát Nguyễn Văn Hảo hướng về đường Galliéni (đường Trần Hưng Đạo hiện nay), một con đường tráng nhựa rộng lớn, chạy từ place Cuniac, đầu đường phía Saigon ngang ga xe lửa chạy dài vô đến đường An Bình (Đồng Khánh) con đường tiếp nối vô Chợ Lớn có tên là đường Les Marins, chạy dài đến đường Tổng Đốc Lộc. Đường Galliéni được xem là con đường giao thông huyết mạch từ Saigon đi Chợ Lớn.

Cửa hậu của rạp Nguyễn Văn Hảo trở ra đường Bùi Viện.

Ông Nguyễn Văn Hảo, chủ nhân rạp Nguyễn Văn Hảo, cũng là chủ nhân hai dải phố lâu chạy song song trên đường Galliéni (đường Trần Hưng Đạo hiện nay) từ ngã tư đường Kitchener (Nguyễn Thái Học) và đường Galliéni, chạy đến đường Bùi Viện, mỗi bên đường có hơn mười căn phố lâu. Góc đường mũi tàu Bùi Viện, Kitchener và Galliéni, là cửa lên lầu ba của vũ trường Tour D'Ivoire.

Ông Nguyễn Văn Hảo chủ rạp hát Nguyễn Văn Hảo và chủ hai dải phố lâu cũng là chủ nhân cây xăng ngay góc đường Yersin và Galliéni.

Rạp Nguyễn Văn Hảo có ba tầng khán phòng. Tổng cộng số ghế cho khán giả trong rạp là 1200 ghế, (chưa kể ghế sắp đặt dọc theo đường đi khi gánh hát bán hết vé chánh thức.). Đây là rạp hát có nhiều số ghế nhất ở Saigon, Chợ Lớn và Gia Định nên được các nghệ sĩ gọi tặng là Hàng Không Mẫu Hạm Nguyễn Văn Hảo..

Lầu ba dành cho khán giả hạng ba có 300 ghế, Ghế ở lầu ba được đóng bằng ván dài, trên một cái dàn gỗ, ghế được đóng từng hàng từ thấp lên cao như ghế băng trong các rạp hát xiếc.

Lầu hai dành cho khán giả hạng nhì và hạng nhất có 400 ghế bọc nệm da đỏ có lưng dựa..

Tầng trệt có 500 ghế bọc nệm da đỏ, dành cho khán giả thượng hạng và hạng nhất.

Phía tay mặt của rạp hát, có một hành lang rộng 5 thước ngang, dài từ cửa trước đến sát phòng sân khấu (độ 50 thước) Hành lang này dành cho đoàn hát để phô trương, chỗ làm tường của một số đào, kép hạng ba, vũ nữ và quân sĩ. Phía ngoài để xe gắn máy của nghệ sĩ.

Kế bên rạp hát phía mặt (từ trong rạp nhìn ra đường) là restaurant Vạn Lộc, chủ nhân là bà Vạn Lộc, thân mẫu của trung úy Danh, chồng của nữ nghệ sĩ Thanh Xuân, đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga.

Từ năm 1954 đến năm 1960, rạp Nguyễn Văn Hảo là rạp hát lớn nhất, có sân

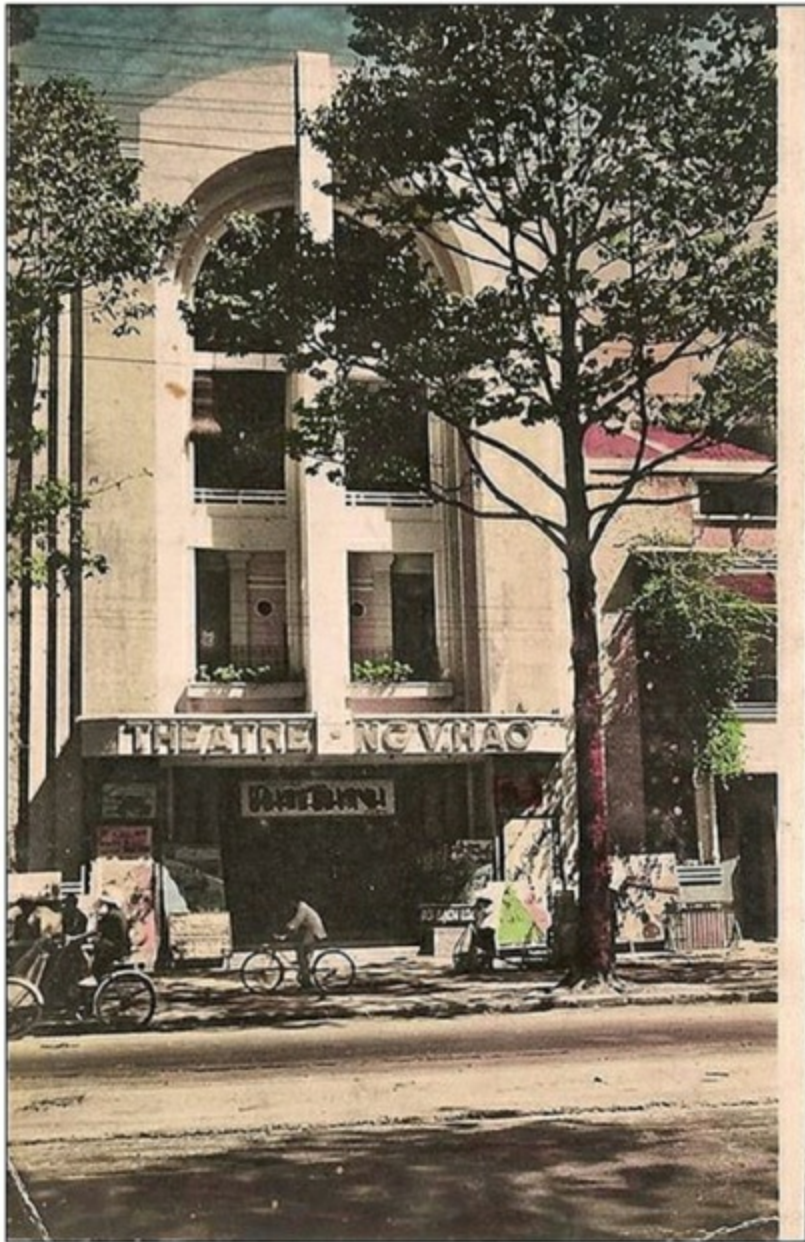
khẩu rộng và sâu nhất, khán giả đến xem đông nhất, đó là những thuận lợi giúp cho các bầu gánh, soạn giả và họa sĩ thực hiện những tiến bộ kỹ thuật và nghệ thuật để nâng cao trình độ của sân khấu cải lương.

Một số đoàn hát nổi tiếng từng hát ở rạp Nguyễn Văn Hảo:

Rạp là nơi đoàn Việt Kịch Năm Châu diễn tuồng Tây Thi Gái Nước Việt. Và cũng là nơi đoàn cải lương Hương Mùa Thu của ông bầu Thu An thực hiện kỹ thuật sân khấu cải lương panorama. Khai trương sân khấu cải lương panorama, đoàn Hương Mùa Thu hát tuồng Lá Cửa Rừng Xanh. Ngoài ra Đoàn cải lương Hoa Sen của ông bầu Bảy Cao cũng về hát ở đây với việc thực hiện sân khấu quay với tuồng hát khai trương là Mộng Hoà Bình. Đoàn Hoa Sen của ông Bầu Bảy Cao là đoàn hát có doanh thu cao nhất trong tất cả các đoàn hát cải lương trong cuối thập niên 50. Đây là một đoàn cải lương lần đầu tiên ở Việt Nam thực hiện được sân khấu quay.

Trong cuối thập niên 80, rạp hát Nguyễn Văn Hảo sửa thành nhà hát Kịch Công Nhân, làm mất đất sống của dân cải lương, dành chỗ cho ngành kịch nụ cười mới.. Người ta nói là nâng cấp cải lương nhưng dẹp bỏ rạp hát cải lương.

(Theo soạn giả Nguyễn Phương)



Rạp Nguyễn Văn Hảo trước 1975.



Rạp Nguyễn Văn Hảo trước 1975.



Rạp Nguyễn Văn Hảo sau 1975 thành nhà hát Kịch Công Nhân .

Rạp Khải Hoàn – Nay là Trung Tâm Điện Máy, góc Cống Quỳnh – Phạm Ngũ Lão, Q1.



Rạp Khải Hoàn ngày nay là Trung tâm điện máy Tâm Hoàn Châu.

Rạp Thành Xương – góc đường Phạm Ngũ Lão và đường Yersin, Q1. Sau này

trở thành rạp cinê và đổi tên thành rạp Diên Hồng.

Rạp nằm gần đình Cầu Quan. Đoàn Thanh Minh-Năm Nghĩa trình diễn tuồng Đứa Con Hai Giòng Máu tại rạp Thành Xương. Cô Ngọc Nuôi là diễn viên tài sắc của gánh hát Thi Phát Huê cũng hát tại rạp này. Đoàn Phụng Hảo của Cô Bảy Phùng Há đóng đô ở đây hát vở “Khi người diên biết yêu” có kép Ba Vân và Năm Châu thủ diễn. Ngoài ra, nghệ sĩ Hữu Phước về cộng tác với đoàn Thanh Minh, cũng hát thường trực tại rạp Thành Xương.



Rạp Thành Xương nay là nhà hàng-bar.

Khu vực Chợ Lớn:

Rạp Hào Huê – Sau này đổi thành rạp Nhân Dân – 372-374, Trần Phú, P7, Q5.

Rạp ở gần khu Lacaze là rạp hát của gánh hát Quảng cũng được sửa lại cho gánh cải lương mướn.

Rạp LUX – Sau đổi là rạp Lao Động B rồi trở thành vũ trường Monaco. Nằm trên đường Trần Hưng Đạo, cạnh chợ Nancy và đường Nguyễn Biểu (cầu Chữ Y). Sau đổi là rạp Lao Động B rồi trở thành vũ trường Monaco. Đây cũng là nơi nữ nghệ sĩ lừng danh Thanh Nga bị ám sát hụt vào ngày 16 tháng 03 năm 1977, trong lúc đoàn Thanh Minh diễn tuồng Tiếng trống Mê Linh. Nữ nghệ sĩ Thanh Nga bị thương nhẹ, hai nhạc sĩ tân nhạc chết tên là Trần Văn Mùi và Lê Hiếu Đức.

Rạp Thủ Đô – nằm trên đường Tổng Đốc Phương, Chợ Lớn, giờ là 125A, Đường Châu Văn Liêm P.14, Quận 5. Tên cũ là Eden Chợ Lớn. Đối diện rạp Toàn

Thắng. Giò là Sân khấu ca nhạc tạp kỹ của Bầu Duy Ngọc. Chuyên công diễn cải lương, đại nhạc hội.

Rạp Palikao – Gần cầu Palikao, Chợ Lớn:

Ở Chợ lớn có rạp hát Palikao dưới dốc cầu Palikao. Rạp Palikao là nơi diễn thường trực của gánh hát bội Phước Thắng của Bà Ba Hộ nên rạp Palikao còn được gọi là rạp Bà Hộ. Con bà Ba Hộ là bà Ba Ngoạn – mẹ của câu Tư Phước Cương (ông là bầu gánh Phước Cương, chồng của cô Năm Phỉ và cô Bảy Nam, cha của nữ nghệ sĩ kịch nói Kim Cương). Rạp Palikao cũng có cho các gánh hát cải lương mượn để trình diễn.

Khu vực Gia Định:

Rạp Huỳnh Long – nằm trong chợ Bà Chiểu, trên đường Châu Văn Tiếp (nay là đường Vũ Tùng), gần cửa chính của Lăng Ông.

Là nơi Đoàn Thái Dương 3, nghệ sĩ Thành Được vừa thay thế soạn giả Nguyễn Huỳnh đảm trách nhiệm vụ giám đốc, với thành phần nghệ sĩ tên tuổi gồm Thành Được, Diệp Lang, Văn Chung, Hoàng Long, hề Kim Quang, Phượng Liên, Kim Ngọc, Hoàng Vân... diễn tại đây

Rạp Cao Đồng Hưng – Sau đổi tên thành rạp Gia Định, giờ là nhà sách Thiếu Nhi Gia Định. Trên đường Bạch Đằng, Q Bình Thạnh. Rạp Cao Đồng Hưng trang bị toàn ghế bằng sắt có lỗ nhỏ, phía sau gần cửa vào thì có cả vài hàng ghế cây học trò trường Hồ Ngọc Cẩn rất “thân quen” với rạp này.

* Một sự kiện lớn ở rạp Cao Đồng Hưng: Ngày 26 tháng 11 năm 1978, đoàn Thanh Minh diễn tại rạp Cao Đồng Hưng ở Gia Định, vở tuồng Thái Hậu Dương Vân Nga. Sau khi diễn xong, như thường lệ, Thanh Nga cùng chồng là ông Phạm Duy Tân và con là Phạm Duy Hà Linh lên xe về nhà riêng ở số 114 đường Ngô Tùng Châu Sài Gòn. Bọn cướp định bắt cóc cháu Cúc Cu, Thanh Nga và chồng bị hai người lạ mặt bắn chết sau khi dùng dao để giật lại đứa bé 6 tuổi tên Cúc Cu, con trai duy nhất của họ (Cúc Cu là tên thân mật trong gia đình để gọi Phạm Duy Hà Linh). :



Rạp Cao Đồng Hưng xưa.

Rạp Văn Cầm – lúc đầu là rạp chiếu bóng sau đó được chuyển thành rạp cải lương cho các đoàn cải lương về hát. Rạp Văn Cầm ngày trước có ở 3 địa điểm nhưng đều cùng 1 chủ:

- Văn Cầm, Phú Nhuận: ngay ngã ba đường Võ Di Nguy (nay là Phan Đình Phùng) & Nguyễn Huỳnh Đức (Huỳnh Văn Bánh)
- Văn Cầm, Chợ Quán: Đường Trần Hưng Đạo, gần chợ Nancy.
- Văn Cầm, Thị Nghè: đường Phạm Viết Chánh, Thị Nghè, gần trường tiểu học Thạnh Mỹ Tây



Rạp Văn Cầm xưa.

Rạp Thuận Thành – ở đường Paul Bert (Trần Quang Khải), về sau bị phá đi để xây rạp chiếu bóng Văn Hoa, ở số 62 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Quận 1, từng là nơi đóng quân của đoàn Phụng Hào.

Khu vực Gò Vấp:

Rạp Lạc Xuân – (nay là Nhà sách Lạc Xuân) – đường Nguyễn Văn Nghi –

Phường 7, Gò Vấp.

Rạp Đông Nhì – Sau đổi là rạp 30/4, nay là trung tâm thời trang EVENNA & KAP'S (cùng chủ với Đại Đồng Gia Định ở đường Nơ Trang Long và Đại Đồng Sài Gòn ở đường Cao Thắng, Bàn thờ, cũng là chủ rạp Đại Đồng Hà Nội di cư vào Nam). Rạp Đông Nhì là rạp bình dân.

Khu vực Phú Lâm:

Rạp Cây Gõ – 46 Minh Phụng, P.6, Quận 6, ở gần chợ Cây Gõ. Thời cực thịnh của cải lương, ở đây các đoàn hát về diễn liên tục.

Rạp Quốc Thái – 1557 Đường 3 Tháng 2, Phường 6, Quận 11

Khu vực Nhà Bè:

Rạp Tân Mỹ – nằm ở Nhà Bè gần Cầu Hàng ngày xưa, (không biết trước 1975 đoạn đường này tên gì, nhưng bây giờ có tên là Trần Xuân Soạn)

Một số đình cũng được các đoàn cải lương và hát bội chọn làm nơi thường trực để biểu diễn:

Đầu đường Nguyễn Thái Học (ngã ba Phạm ngũ Lão) đổ xuống tận Cầu Ông Lãnh là nơi tọa lạc 2 rạp: đình Tân Kiểng và Nam Tiến, dành cho những khán giả để tính, sau này chỉ để cho các đoàn cải lương, hát bội, hồ quảng

Ngoài ra còn có các đình Cầu Quan, đình Cầu Muối (quận nhứt): nơi đóng đô của hai đoàn cải lương tuồng cổ nổi tiếng Minh Tơ và Huỳnh Long, đình Tân Kiểng(quận 5), đình Lý Nhơn (quận 4), đình Minh Phụng (Phú Lâm), đình Dọn Bàn, đình Tân An, đình Phước Thành ở Dakao, đình Phú Nhuận cũng có các gánh hát nhỏ (hát bội hoặc các đoàn cải lương tỉnh) đến mượn đình để hát.

Tổng hợp từ Internet

CHIA TAY THƯỜNG XÁ TAX

“Nếu anh bắn vào quá khứ bằng khẩu súng lục, tương lai sẽ bắn lại anh bằng một khẩu đại bác”

Bất cứ cuộc chia tay nào cũng mang theo nhiều luyến tiếc. Chia tay giữa người và người thường mang những kỷ niệm riêng tư, những giây phút bên nhau bỗng chốc trở thành kỷ niệm. Nếu như có cơ hội gặp lại nhau thì người xưa đã trở thành “cố nhân” trong muôn vàn khuôn mặt.

Không phải chuyện chia tay chỉ xảy ra giữa người và người. Có những cuộc chia tay ngoài ý muốn và mang tính cách rộng lớn hơn của nhiều người với nơi mình đã sinh sống, thậm chí còn chia tay với cả một đất nước khi phải bỏ xứ ra đi.

Trong bài viết này, tác giả không nói đến những cuộc chia tay như vậy mà chỉ bàn đến sự chia tay Thương xá Tax của những người Sài Gòn đã từng, không ít thì nhiều, gắn bó với một địa điểm thường lui tới tại trung tâm thành phố có tên gọi “Hòn ngọc Viễn Đông”.

Tôi biết đến Thương xá Tax từ năm 1953, một năm trước cuộc di cư chính thức từ miền Bắc vào Nam dưới thời Đệ nhất Cộng hòa của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Tax đã hiện diện tại Sài Gòn từ năm 1880 trong thời Pháp thuộc với cái tên “Cửa hàng Charner” (Grands Magasins Charner – GMC) tại góc của hai con đường Charner (Nguyễn Huệ ngày nay) và đường Bonard (Lê Lợi).

Những cái tên đường “rất Tây” như Charner, Bonard được chính phủ Bảo hộ đặt từ năm 1865 để vinh danh Đô đốc Hải quân Pháp, Léonard Victor Joseph Charner (1797-1869) và Louis Adolphe Bonard (1805 - 1867), là những người có liên quan đến việc chinh phục Đông Dương của quân đội Pháp.

Trước đó, đường Bonard mang một cái tên rất bình dân: “Đường 13”. Đó chỉ là một con đường trong xóm nhỏ mà cư dân địa phương thời đó gọi bằng một cái tên cũng dân dã không kém: “Xóm Thom”.

Mãi đến năm 1955, Ban Quản lý Định cư dưới thời Tổng thống Diệm mới đổi tên đường Charner thành Nguyễn Huệ, đường Bonard trở thành Lê Lợi. Hai tên đường từ đó mang tên các danh nhân Việt thay thế những ông tướng Pháp và rất may, Nguyễn Huệ - Lê Lợi vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.



Vị trí của “Cửa hàng Charner” (Grands Magasins Charner – GMC) thời Pháp thuộc “Cửa hàng Charner” do “Công ty Thuộc địa các Nhà hàng lớn” (Société Coloniale des Grands Magasins - SCGM) xây dựng với số vốn ban đầu 12 triệu franc sau lên đến 30 triệu vào năm 1925.

Ban đầu, mặt tiền của tòa nhà Grands Magasins Charner, thường được gọi tắt là GMC, có gắn tháp đồng hồ theo kiến trúc của Pháp nhưng pha trộn những đường nét Á Đông với mái cong trên tháp.



2036

COCHINCHINE — SAIGON — *Les Grands Magasins Charner*

Mặt tiền của GMC với tháp đồng hồ

GMC tọa lạc tại vị trí đẹp nhất của trung tâm Sài Gòn, kinh doanh các mặt hàng mà thời Pháp thuộc gọi là “bazar”, những sản phẩm đắt tiền, sang trọng được nhập cảng từ Pháp và Anh nhằm phục vụ cho người Pháp tại thuộc địa, giới thượng lưu Sài Thành và các đại điền chủ Nam kỳ Lục tỉnh.

GMC thời đó cũng đăng quảng cáo trên báo, tự hào là “Cửa hàng rộng nhất; Nhiều mặt hàng nhất và là Thương xá tốt nhất” (Magasins les plus vastes; Magasins les mieux assortis; Magasins vendant le meilleur marché).

Bên cạnh các cửa hàng buôn bán, GMC còn có “phòng trà” (salon de thé) và “quán bar kiểu Mỹ” (bar Americain) với lời quảng cáo “Vào cửa tự do” (Entrée Libre) như để khuyến khích khách vãng lai đến mua sắm [*].

Năm 1942, việc kinh doanh lúc này rất thịnh vượng nên “Công ty Thuộc địa các Nhà hàng lớn” xây thêm một tầng lầu và đập bỏ phần tháp đồng hồ ngoài mặt tiền. Thay vào đó là hàng chữ GMC.

Đối với những người Sài Gòn xưa, bộ mặt mới của GMC với 3 tầng lầu trong thập niên 1940 so với 2 tầng lầu nguyên thủy có phần “đồ sộ” hơn nhưng hình như tòa nhà đã đánh mất vẻ “cổ kính” với tháp đồng hồ mang những đường nét kiến trúc Á Đông.

Phải chăng đó cũng là “cái giá” phải trả khi người ta mãi chạy theo cái được gọi là “đồ sộ” mà quên đi những nét kiến trúc đặc thù của một công trình cổ. Xin nhắc lại, đó mới chỉ là thay đổi đầu tiên trong thập niên 1940 vì tòa nhà CMG sẽ còn phải đương đầu với nhiều thử thách những năm sau đó.



GMC với 3 tầng lầu vào năm 1942

Tại đây người ta có thể mua các mặt hàng từ bình dân như đồ chơi trẻ con cho con cháu... đến những thứ đắt tiền như đồng hồ, máy ảnh hoặc nữ trang bằng vàng hay kim cương cho vợ hoặc người tình. Nói chung, Tax có thể coi là “thiên đường mua sắm” của người Sài Gòn vào những thập niên 60 và 70.

Ngày xưa, trong “lộ trình” của người Sài Gòn khi “bát phố Bonard” không thể nào thiếu mục “ghé Tax”, đó có thể vào lúc khởi đầu hay kết thúc của cuộc hành trình dọc theo đường Lê Lợi. Quả thật, bên trong Tax người mua hàng bao giờ cũng ít hơn người “bát phố” với mục đích chỉ muốn được hòa mình vào đám đông. Dân “bát phố” thậm chí trong túi chỉ đủ tiền để uống ly nước mía Viễn Đông nằm ở góc Lê Lợi và Pasteur!

Vào những ngày cuối tuần còn có sự xuất hiện của những bộ kaki vàng, màu áo của sinh viên sĩ quan Thủ Đức được về phép. Họ vào đây để tìm lại cảm giác được sống giữa Sài Gòn đô hội sau một tuần đổ mồ hôi trên thao trường nắng cháy. Mai đây khi tốt nghiệp, ra trường họ sẽ tỏa đi các đơn vị khắp 4 vùng chiến thuật và sẽ ít có cơ hội nhìn lại hậu phương Sài Gòn!



CMG trở thành Tax từ thập niên 1960

Vào thập niên 60, người Sài Gòn rất hãnh diện với Tax. Hãnh diện từ thiết kế bên ngoài lẫn bên trong thương xá. Đường dẫn lên lầu là hai cầu thang bằng đồng hình vòng cung trông sang trọng như trong một thự quyền quý.

Khách vào đây có thể đứng tựa lan can nhìn xuống cảnh mua bán tấp nập phía dưới hoặc ghé cửa hàng giải khát, gọi ly cà phê đá hay nước ngọt uống để làm dịu cơn nóng nực lúc ban trưa.

Buổi sáng tại Pôle Nord ngay tầng trệt cũng có phục vụ điểm tâm, vừa ăn vừa nhìn thiên hạ qua lại trước mặt. Buổi tối ngồi nhấm nháp chai bia Con Cọp, bia 33... một cái thú tương đối rẻ tiền mà Tax đem lại cho bất cứ ai ghé chơi vào bất cứ lúc nào.

Đó chính là sợi dây vô hình “buộc” người Sài Gòn với Tax cũng như La Pagode, Givral, Brodard, Thanh Thế hay kem Mai Hương đã một thời gắn bó với cuộc sống Sài Gòn. Những cái tên quen thuộc giờ đây đã trở thành hoài niệm đối với những người nay tóc đã điểm sương.



Thương xá Tax năm 1965

Thương xá Tax cũng đã đi vào văn chương, thơ phú và âm nhạc của người Sài Gòn. Trong ký ức một thời của mình, Ngô Thụy Miên ngồi tại hải ngoại viết về những quán hàng quen thuộc của Sài Gòn xưa:

“Em nhớ không, La Pagode, Givral của những sáng hẹn hò, Hoàng Gia, Pôle Nord của những chiều đưa đón, dạo phố tết Nguyễn Huệ, Lê Lợi tấp nập người qua, và những tối ghé quán Bà Cả Đợi, rồi Đêm Mầu Hồng. Cái không khí ấm áp tràn đầy tình thương của quê hương đó, làm sao có thể ngờ được chỉ trong vài tháng đã chỉ còn để lại một mùa Xuân, một mùa Xuân cuối cùng của những đổi thay...”

Bài hát “Chiều trên Phá Tam Giang” của Trần Thiện Thanh lại diễn tả một buổi tối Sài Gòn sắp vào giờ giới nghiêm và Thương xá Tax đang chuẩn bị đóng cửa:

“... Giờ này thương xá sắp đóng cửa, người lao công quét dọn hành lang, giờ này thành phố chợt bừng lên để rồi ta nghỉ sớm. Ôi Sài Gòn, Sài Gòn giờ giới nghiêm, ôi Sài Gòn, Sài Gòn giờ giới nghiêm, ôi em ơi Sài Gòn không buổi tối...”

Sau ngày Sài Gòn “đổi chủ”, Thương xá Tax cũng được “đổi đời”! Nhu cầu mua sắm của người Sài Gòn được thay thế bằng “hệ thống bao cấp nhu yếu phẩm” của nhà nước cho nên sự nhộn nhịp của một trung tâm mua sắm ngày nào nay không còn lý do để tồn tại. Tax biến thành nơi trưng bày mặt hàng sản xuất của các công

ty quốc doanh.

Đến năm 1978, Tax được “cởi trói” và “hóa kiếp” thành “Cửa hàng Phục vụ Thiếu nhi Thành phố”. Người bán hàng, khi đó được gọi là “Mậu dịch viên”, lại “thắt khăn quàng đỏ” như thiếu nhi để bán mặt hàng chính là đồ chơi cho trẻ con được sản xuất bởi các công ty quốc doanh.

Dĩ nhiên là “phục vụ thiếu nhi” như tên gọi của cửa hàng nhưng chắc chắn việc trả tiền là của các bậc phụ huynh. Họ chắt chiu từng đồng trong thời khó khăn bao cấp để “mua” nguồn vui cho trẻ thơ qua những con búp bê bằng nhựa tái sinh hay chiếc xe hơi làm bằng gỗ.

Đến năm 1981 Tax một lần nữa đổi tên thành “Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp Thành phố” trực thuộc Sở Thương Nghiệp và trở thành một trong những cửa hàng lớn nhất Việt Nam thời bấy giờ. Tax khi đó mang cái tên thật lạ lẫm, vừa dài vừa khó nhớ đối với người Sài Gòn nên trong suốt thời gian từ 1981 đến 1990 người ta vẫn dùng cái tên cũ: “... đi lên Tax” ... “mua cái này ở Tax...”.



Thương xá Tax trở thành “Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp Thành phố”

Đáng chú ý là “Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp Thành phố” đã thu hút một số du khách đến từ các nước Đông Âu nên người Sài Gòn lại có một cái tên “bán chính thức” là “Chợ Liên Xô” hay ngắn gọn hơn, “Chợ Nga”! Khách hàng nhiều khi đóng thành từng thùng để chuyển về nước những mặt hàng... tư bản.

Vào thời điểm “thịnh vượng”, tòa nhà trở thành một trung tâm giao dịch với các mặt hàng phong phú, từ quần áo, may mặc, mỹ nghệ đến những mặt hàng xa xỉ đều xuất hiện.

Hình như nhà nước cũng ý thức được “Thương hiệu Tax” đã ăn sâu vào nếp nghĩ của người dân nên ngày 19/1/1998 dòng chữ “Thương xá Tax” chính thức được đặt trên nóc tòa nhà! Thế là sau bao nhiêu năm “lặn độn”, tòa nhà được “phục hồi danh hiệu” đã có từ xưa.



Thương hiệu “Thương xá Tax” xuất hiện trở lại năm 1998

Bước vào thời kỳ “đổi mới” trước sự cạnh tranh từ các trung tâm thương mại do người nước ngoài đầu tư và quản lý, một lần nữa áp lực cạnh tranh đã buộc Thương xá Tax phải tự làm mới mình.

Thương xá từ đó thuộc quyền quản lý của “Công ty Bán lẻ Tổng hợp Sài Gòn”, trực thuộc “Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn” với tên thương mại là SATRA (Saigon Trading Group), được thành lập từ năm 1995.



SATRA bên cạnh thương hiệu “Thương xá Tax”

Đọc đến đây chắc hẳn có bạn đọc thắc mắc tại sao bài viết này lại mang tựa đề “Chia tay Thương xá Tax”?

Nếu chú ý theo dõi báo chí trong nước ta sẽ hiểu ngay vì sao sẽ phải chia tay. Báo Tuổi trẻ, ngày 20/8/2014, đưa tin trong một bài viết có tựa đề “Tiểu thương Thương xá Tax “chết đứng”:

“Việc thương xá Tax thông báo kết thúc hợp đồng thuê mặt bằng kinh doanh tại đây trước ngày 1/10 đã khiến các tiểu thương than “chết đứng”. Trong khi đó khu vực kinh doanh trên đường Nguyễn Huệ (Q. 1, TPHCM) bị ảnh hưởng bởi việc xây nhà ga metro cũng kêu trời khi việc kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng”.

Trên Thanh niên Online, tác giả Trần Thùy Linh sau khi nhắc lại việc “xóa sổ” khu vực Passage Eden đã viết:

“... Và mấy hôm nay, có một nỗi đau tưởng đã lên da non, bỗng bùng lên, dữ dội, khi nghe tin thương xá Tax sẽ vĩnh viễn bị xóa sổ. Tôi tin rằng những “vô tri, vô giác” ấy, những “vật cần phải hy sinh cho sự phát triển” trên khu đất vàng ấy, đã đau lắm. Một cao ốc 40 tầng hiện đại, sáng choang sẽ mọc lên, thay thế cho Tax già nua cũ kỹ đã 134 tuổi. Khu trung tâm Sài Gòn sẽ còn gì?” .



Mô hình dự án toà tháp Tax Plaza cao 40 tầng

Kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Dũng trong bài viết “Sài Gòn đang trở nên xa lạ” đưa ra nhận xét mang tính cách chuyên môn:

“Với một diện tích khiêm tốn vài trăm ha, trung tâm Sài Gòn vốn được quy hoạch thành khu trung tâm hành chính và công cộng nay lại đang được nén chặt đến mức ngộp thở. Sài Gòn xưa giờ đang trở thành đô thị của một nước xa lạ nào đó, những bản sắc vốn có và hồn đô thị của thành phố 300 năm tuổi đang bị xóa nhòa.

Liệu bạn có còn tìm được nét Sài Gòn xưa ở những cao ốc mang tên nước ngoài như Royal Garden, Eva Royal Plaza, Avalon, Sailing Tower, Centec Tower hay Kenton Residence, Gemadept Tower, The Manor? Cái tên Sài Gòn cũng được nhắc tới nhưng lại rất một nét lai căng, ví như Saigon Sky Garden, Saigon Plaza...”



Người Sài Gòn ngồi nhìn Thương xá Tax trước ngày chia tay

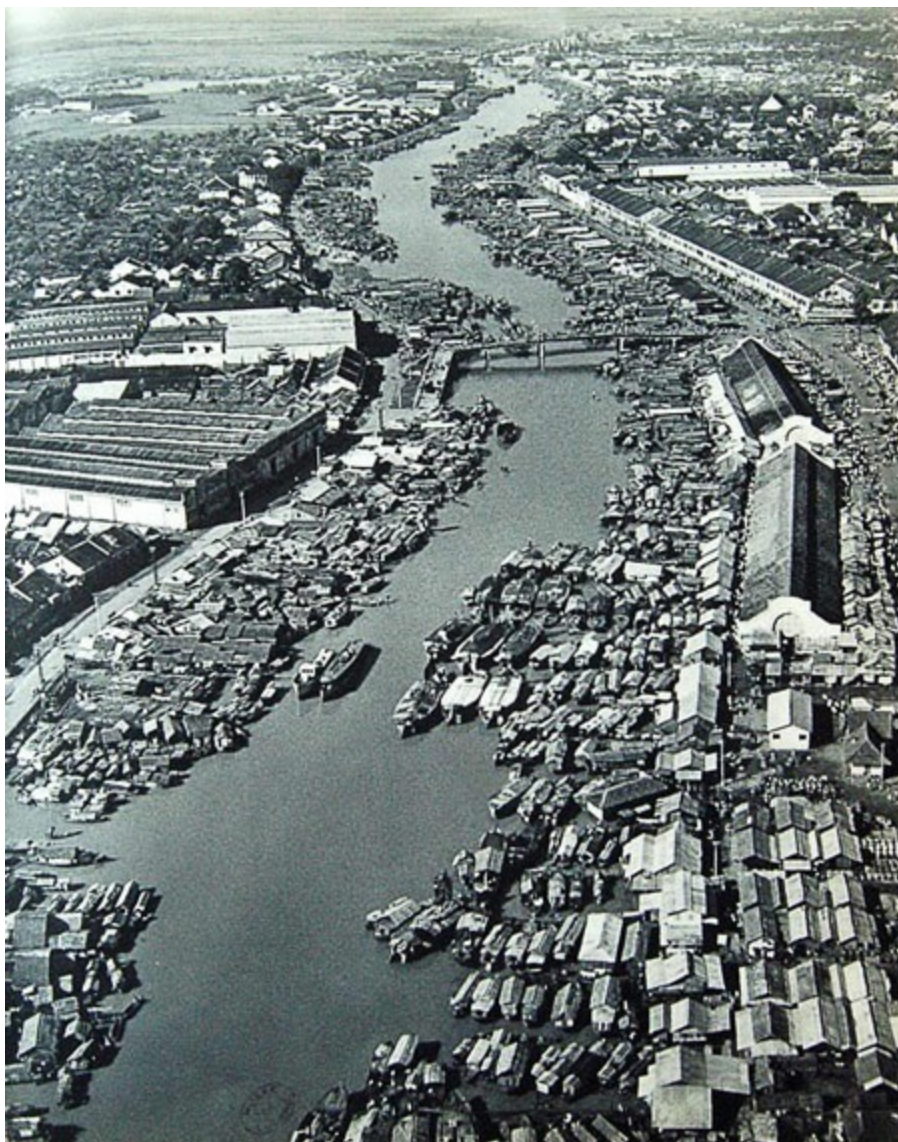
Tôi bỗng rùng mình khi nhớ lại một câu nói của ai đó. Câu này đã được dẫn trước bài viết nhưng cũng xin ghi lại một lần nữa để chúng ta đừng quên:

*“Nếu anh bắn vào quá khứ bằng khẩu súng lục,
tương lai sẽ bắn lại anh bằng một khẩu đại bác”*

Nguyễn Ngọc Chính

GIANG CẢNG SÀI GÒN – CHỢ LỚN

Cách đây hơn 20 năm, tôi có dịp đến cảng Bãi Xàu thuộc huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng tìm hiểu một giang cảng lớn thịnh vượng nhất của miền Tây thời xưa. Thời điểm tôi đến đó, cuộc sống của bà con nông dân tỉnh Sóc Trăng còn nhiều khó khăn. Từ một thương cảng hoạt động nhộn nhịp nhất trong thập niên 70 của thế kỷ trước lâm vào cảnh tiêu điều. Thời trước đó nữa, nơi đây có cả trăm ghe bầu, tàu trọng tải lớn làm công việc vận chuyển lúa gạo thu mua từ các tỉnh lân cận chuyên lên các chành lúa gạo trên bến Bình Đông thuộc giang cảng Sài Gòn – Chợ Lớn.



Kênh Tàu Hủ năm 1955 – Ảnh: Cauchetier.

Sở dĩ tôi bắt đầu từ cảng Bãi Xàu ở miệt sông nước Hậu Giang để nói về giang cảng lúa gạo trên các bến kênh rạch Sài Gòn – Chợ Lớn bởi nó là gạch nối thông

thương giữa những con sông và kênh đào từ thời Pháp chiếm Nam Kỳ. Pháp mở rộng kênh rạch miền Tây kết nối kênh rạch Sài Gòn để khai thác vận chuyển lúa gạo về Thương cảng Sài Gòn mang đi xuất cảng. Theo Sơn Nam ghi nhận trong “Đất Gia Định xưa”, từ Bãi Xàu, ghe thuyền đi theo kênh Trà Ôn vào sông Tiền, qua Chợ Lớn vào bến Bình Đông và Bình Tây (Mễ Cốc) nhập vào kho các nhà máy xay lúa. Nhưng chủ ghe là ai? Không phải là những người nông dân một nắng hai sương làm ra hạt lúa. “Tiền vốn của nhà nước Pháp, lúa gạo của nông dân Việt nhưng đem lại lợi tức cho người Hoa mua bán lúa”.

Đây chính là thời điểm ngành nông nghiệp miền Nam được khai thác tối đa. “Trong 37 năm (1893-1930), trung bình mỗi năm tăng thêm 35,000 héc-ta ruộng, tổng cộng 1,800,000 héc-ta đất đưa vào canh tác. Phí tổn đào kênh là 48 triệu đồng, nhưng chính phủ thu lợi quá to: thêm thuế điền, thuế xuất cảng lúa gạo và tiền bán đất theo kiểu thuận mãi hoặc đấu giá”. Thoạt đầu, nhiều nông dân cứ nghĩ kế hoạch đào kênh của chính phủ Pháp nhằm mở mang nông nghiệp các tỉnh miền Tây nhưng thực chất là đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải hơn là công tác thủy lợi đưa nước vào đồng ruộng cho nông dân canh tác. Đào kênh Trà Ôn để đưa lúa từ Hậu Giang (Bạc Liêu, Rạch Giá, Sóc Trăng, Cần Thơ) về Sài Gòn. Số diện tích canh tác tăng nhanh là do dân số tăng từ các nơi khác đổ về khai khẩn đất hoang, dùng sức người, sức trâu bò là chính yếu.



Bến Bình Đông là kho lúa gạo miền Nam thập niên 30 – Nguồn: Anhxuasg.

Người nông dân làm ra lúa gạo đủ để ăn, phần còn lại đóng địa tô, mua phân bón, bán lúa dư cho người Hoa từ Chợ Lớn xuống thu mua bằng cách bán trước

nhu yếu phẩm cho nông dân, tới mùa lúa trả lại bằng lúa. Đến mùa gặt, thương lái người Hoa đến thu mua, họ ăn trơn mặc trắng điều khiển ghe thuyền chở lúa từ cảng Bãi Xàu tấp nập ngày đêm giong buồm lên đến Mỹ Tho theo sông Bảo Định vào các kênh rạch cập bến Chợ Lớn. Nhà Thơ Học Lạc mô tả: "...Lớn rông chung rạch, chia đôi ngả / Cũ mới phân nhau cũng một đò. Phố cất vẽ vời xanh to lục / Buồm giong lên xuống trắng như cò..."

Ghe tàu chở lúa gạo giong buồm về Chợ Lớn bằng đường kinh Chợ Lớn hay kinh Tàu Hủ. Chợ Lớn thịnh vượng một phần nhờ con kinh này thông thương với miệt Hậu Giang. "Tàu nhỏ, ghe thương hồ, các ghe chài "ăn lúa" từ Bạc Liêu, Bãi Xàu, Sóc Trăng, kéo lên, hoặc thuyền "cá đen" Biển Hồ (Nam Vang) đổ xuống, đều noi theo con Kinh Tàu Hủ này mà "ăn hàng", "ăn gạo", hoặc đọi "cất lúa" lên cho các nhà "tàu khậu" và nhà máy xay Chợ Lớn, cũng như nhờ con Kinh Tàu Hủ này để giao dịch với thương cảng và các tàu buôn xuất ngoại" (Sài Gòn năm xưa – Vương Hồng Sển).



Cầu Bình Tây với ghe lúa chờ dỡ hàng xuống bến – Nguồn: Anhxuasg.

Do đó bến Bình Đông không còn là một bến ghe đò bình thường như những bến ghe đò khác ở trung tâm Chợ Lớn nữa. Quy mô hoạt động ở tầm vóc là một trong những giang cảng quan trọng của vùng Chợ Lớn, là vựa chứa lúa của miền Nam. Những người cố cựu sống tại đây từ trước năm 1945 cho biết, dọc hai bên bờ kinh có nhiều nhà máy xay gạo và chành lúa dựng san sát nhau. Sơn Nam viết trong "Bến Nghé xưa" rằng vào năm 1927, ở Bến Bình Đông có tới 70 nhà máy xay lúa, sản xuất ra thị trường mỗi năm gần 3 triệu tấn gạo, trong khi mức cầu xuất

cảng thời đó tối đa 1,300,000 tấn. Tàu hai ba trăm tấn qua lại dễ dàng nhờ lòng kênh sâu. “Dòng kinh sâu rộng, ghe thuyền đậu dài 10 dăm (1 dăm = 576 thước tây), theo hai con nước lớn nước ròng, thuyền bè qua lại chèo chống ca hát, ngày đêm tấp nập, làm chỗ đô hội lưu thông khắp ngả, thật là tiện lợi” (Lịch sử khẩn hoang miền Nam – Sơn Nam).

Câu chuyện của ông Năm Quới ở gần cảng Bãi Xàu làm tôi mừng tượng ra cảnh trên bến dưới thuyền một thời của bến Bình Đông. Từ lúc còn thanh niên, ông Năm từng làm tài công một ghe chở lúa lên Chợ Lớn. Cuộc sống bồng bềnh rày đây mai đó buộc ông phải đưa gia đình từ quê lên định cư gần cầu Bình Tây. Năm 1950, ông mua một mảnh đất nhỏ giá rất rẻ, không giấy tờ, dựng tạm căn nhà mái tôn vách lá. Vậy mà lần hồi vô làm thợ máy cho nhà máy rượu Bình Tây có tiền sửa sang lại căn nhà, lấn ranh ra phía bờ kênh. Thời đó người dân tứ xứ khắp nơi tản cư về Sài Gòn để tìm cuộc sống mới, một số người cắm dùi ngay tại mé kênh, dựng chòi tạm bợ. Có chỗ chui ra chui vô với họ là “thiên đường” rồi, không phải ở thuê ở mướn tốn kém tiền bạc. Công việc làm ở bến bãi chỗ nào cũng nhận nhân công, không sợ thất nghiệp. Đàn ông thì bốc vác lúa gạo, hàng hoá nông sản từ lục tỉnh lên, làm công nhân hãng xưởng hoặc đi làm thợ phụ ở các lò gốm, phụ nữ buôn bán hàng rong, trẻ con được đến trường đi học.



Nhà dân lấn chiếm kênh rạch ở Chợ Lớn, có những đoạn kênh bị tắc nghẽn từ những năm 60 – Nguồn: Anhxuasg.

Tôi hỏi phải mất một thời gian dài để gây dựng cuộc sống ổn định tại Sài Gòn, sao ông lại quay về cố hương sinh sống. Ông Năm Quới trầm ngâm như nhớ lại

quãng đời cơ cực làm thuê làm mướn để mưu sinh trên đất Sài Gòn đô hội nhưng lắm tranh giành. “Đúng là Chợ Lớn thuở đó còn nhộn nhịp lắm. Từ đoạn bến Mễ Cốc chạy đến bến Bình Đông, Hàm Tử, Chương Dương ghe đồ tấp nập ngày đêm. Tuy vậy bên kia kênh Tẻ từ cầu Chữ Y kéo dài đến Trần Xuân Soạn và cầu Tân Thuận, ghe đồ không bằng một góc trên kênh Tàu Hủ. Phần đất bên mé đó thuộc về đất Bình Xuyên do tướng Bảy Viễn cai quản, có lính gác dọc bờ kênh, ghe thuyền đi lại nhiều khi bị kêu vô trình báo. Hơn nữa, bến bãi, kho chành không có, chỉ có tàu sắt của Pháp ra vô chở hàng từ các tỉnh miền Tây ra cảng Sài Gòn. Đến năm 1955, lính ông Diệm đánh tan quân Bình Xuyên, Bảy Viễn thoát chạy ra Vũng Tàu rồi đông sang Pháp. Kênh Tẻ dần hồi phục, xây dựng bến bãi, ghe đồ nhộn nhịp trở lại như hàng chục năm trước”.

Tuy vậy, cuộc sống trên các dòng kênh không bao giờ lắng đọng. Người dân quê ở các tỉnh mất an ninh do chiến tranh khiến một số người kéo nhau lên Sài Gòn sinh sống. Các bến bãi bờ kênh bị chiếm cứ. Bà con sống nhếch nhác, chiếm dụng mặt nước, rác rến xả đầy xuống kênh, chính quyền lại không nạo vét định kỳ. “Hồi tôi mới đến ở chỗ cầu Bình Tây, nước còn xanh, vậy mà sau mười năm nước trở nên đen ngòm mỗi khi triều xuống. Mùi hôi nồng nặc, muỗi mòng như trấu, cầu cống hư hao không ai tu bổ, sống ở đây riết sinh bệnh, nên tôi bàn với vợ con trở về Bãi Xàu sau khi xác lập giấy tờ nhà cửa”.



Kênh Tẻ ra giang cảng Tân Thuận thập niên 60 sau khi chính quyền TT Diệm dẹp tan quân Bình Xuyên – Nguồn: Panaroma.

Từ đầu thập niên 60 là thời kỳ bắt đầu suy tàn của những bến trên các kênh rạch ở Chợ Lớn. Ghe vận chuyển nông sản từ miền Tây lên Sài Gòn giảm sút do xe cộ trở thành phương tiện vận tải tiện lợi nhanh chóng. Mặt khác, các nhà máy xay lúa được xây dựng tại các tỉnh rất nhiều nên kho chành chứa lúa gạo bến Bình Đông, Bình Tây lần hồi lụn bại. Cuộc sống của người dân lao động càng phức tạp hơn. Năm 1972, sau khi hoàn tất giấy tờ nhà cửa, gia đình ông quyết định bán căn nhà quay về đất hương hỏa quê nhà. “Thời đó, căn nhà nhỏ trong khu lao động nghèo vậy mà có người trả giá 80 lượng vàng. Với số tiền này, tôi dư sức xây một ngôi nhà khang trang và đủ tiền sắm chiếc ghe chài đi biển cho thằng con trai lập gia đình ra riêng”.

Người từng sống ở các bến bãi Sài Gòn – Chợ Lớn chắc hẳn còn nhiều ký ức trong nỗi nhớ cuộc đời. Có người đã rời xa căn nhà sàn gầy dựng bằng sức lực cần lao của mình như ông Năm Quới để về quê hay đến vùng đất mới phương xa nhưng vẫn lưu giữ những kỷ niệm đẹp một thời của vùng kênh nước trên bến dưới thuyền. Có người còn ở lại trong những căn nhà tạm bợ ọp ẹp bên bờ kênh đang phấp phồng chờ giải tỏa. Hoặc cũng còn những người từ nơi khác đến tiếp tục cuộc sống thương hồ bên dòng kênh Tẻ, kênh Đôi chờ một vận may mới thay đổi cuộc đời hay buồn tình xuống câu vọng cổ: “Cho đò nhỏ chênh vênh cô đơn buồn tuyệt vọng, con nước về đâu sao để bến... mong... chờ”.

Trang Nguyên

HOÀI NIỆM XE ĐÒ

Xe không chạy trên sông sao gọi xe đò? Có lần tôi hỏi nhà văn Sơn Nam khi gặp ông ở quán cà phê vỉa hè trước Nhà Văn hóa quận Gò Vấp cách nay hai mươi năm. Trong chiếc áo sơ mi cụt tay, khuôn mặt ốm nhão màu bánh ít, mắt nhắm chiu sau cặp kính dày, ông thủng thỉnh trả lời theo kiến giải của mình. Đồng bằng Nam bộ sông nước chằng chịt, ngày xưa phương tiện đi lại chủ yếu bằng đò ghe, cho đến thập niên ba mươi, người Pháp thành lập vài hãng xe chở khách đi miền Tây. Thời ấy đường bộ chưa phát triển, xe đến bến khách phải chuyển tiếp bằng đò ghe nên người ta gọi là xe đò cho tiện.



Xe đò cỡ Sài Gòn – Hốc Môn năm 1969 – Nguồn: Saigonoldphoto

Nghe vậy thôi, sau này tôi tìm hiểu thêm chút ít, biết rằng người Bắc gọi xe đò là xe khách hoặc xe ca, còn người Trung lại gọi xe đò giống như người Nam. Một số người giải thích vì hầu hết các chủ nhà xe đi miền Trung là người Sài Gòn nên “xe đò” trở thành phương ngữ chung cho tiện. Và rồi câu chuyện sôi nổi hơn khi nhà văn nhắc tới kỷ niệm thời học sinh trung học từng đi xe đò từ Rạch Giá về Cần Thơ mà ông có nhắc lại trong tập “Hồi ký Sơn Nam”: “...Tiền xe từ Rạch Giá

đến Cần Thơ là một đồng hai (120km) nhưng nhỏ tuổi như tôi chỉ tốn có 6 cắc. Tôi lên xe ngồi để người phụ xế sắp đặt chỗ ngồi cho gọn, khấp nép, chung quanh xe là nhiều người rao hàng để hành khách ăn buổi sáng vì buổi trưa mới đến bến Cần Thơ. Tôi còn nhỏ, ba tôi cho riêng tôi 2 cắc, rất tủi thân vì trong khi ấy gia đình khá giả dám trả 1 đồng hai (hai chỗ dành cho trẻ con rộng rãi hơn) lại dành cho con một cái bánh bao to để ăn dọc đường. Xe khách bóp kèn inh ỏi, chạy vòng quanh để tìm kiếm khách...”.



Xe đò dài Thuận Hiệp đi Sài Gòn - Cà Mau - Ảnh: Douglas Pike

Nhưng điều thú vị nhất là ông kể hồi thời kỳ đầu xe đò do người Pháp làm chủ toàn là loại xe nhỏ chở khách chừng hơn hai mươi người. Nhưng chỉ một thập niên sau, người Việt mình giàu có tham gia mở công ty lập hãng, nhập cảng máy, khung gầm từ châu Âu châu Mỹ, đóng thùng thành xe đò loại lớn chở hơn năm chục hành khách, cạnh tranh ác liệt trong giai đoạn đường bộ được mở rộng và phát triển ở các tỉnh miền Tây và Đông Nam Bộ. Giao thông kết nối khắp nơi, nhu cầu đi lại của người dân càng nhiều, tạo thành thời vàng son của xe đò. Chiến tranh Đông Dương nổ ra, Nhật vào chiếm miền Nam, xăng dầu khan hiếm, bị giám sát chặt chẽ, ngành xe đò suy giảm, một số hãng xe hoạt động cầm chừng và phải thay đổi nhiên liệu cho xe hoạt động. Sơn Nam kể: “Xe ô tô chở khách phải dùng “ga”, hiểu là than củi tràm, bỏ vào cái thùng tròn đặt bên hông xe phía sau. Trước khi cho xe nổ máy thì quạt cho than tràm cháy, hơi ga ấy bị đốt, gây sức ép

cho máy xe chạy, gọi “Autogène”, theo mô hình của Kỹ sư Thịnh Hưng Ngẫu chế tạo ở Sài Gòn”.



Xe đồ Sài Gòn đến Vĩnh Long năm 1970 đường sá còn trải đá - Ảnh: Frank Effenberger

Hình ảnh chiếc xe đồ nhỏ chạy bằng than đốt trong cái thùng phía sau xe được lập lại từ năm 1975 đến 1985, chắc người Sài Gòn tuổi trung niên trở lên đều biết rõ. Tôi từng đi loại xe sử dụng nhiên liệu này, mỗi lần chui vào cửa xe phía sau là đều phải cẩn thận với cái thùng than cháy nóng được treo dính ở đuôi xe. Thường thì người ta chỉ cải tiến xe đồ lỗ – tức là loại xe Renault cũ xì từ giữa thập niên 50. Tuy giới lái xe gọi đó là xe đồ hỏa tiễn nhưng nó chạy chậm hơn xe chạy xăng hoặc dầu. Có lúc xe chạy ì ì ạch khi than cháy không hết, lơ xe phải dừng thanh sắt mở lò đốt còi than. Hoặc thỉnh thoảng gặp đường vòng xóc, than văng ra khỏi cửa thông không khí, rớt xuống đường cháy đỏ rực. Vô phúc cho chiếc xe đạp nào chạy phía sau tránh không kịp, cán phải cháy lốp xe. Xe đồ hỏa tiễn chạy những đường ngắn như Sài Gòn – Long Khánh, Chợ Lớn – Cần Giuộc – Gò Công, Sài Gòn – Long An, còn xe đồ dài vẫn chạy bằng xăng dầu, nhưng không còn nhiều như trước. Trên mui phía đầu xe thường có thùng phuy nước dùng để làm nguội

máy, kế tiếp là nơi chở hàng hóa, xe gắn máy, xe đạp cho khách buôn chuyến và khách đi tỉnh xa.



Xe đò Sài Gòn – Tây Ninh năm 1965 – Ảnh: John Hansen

Tôi còn nhớ mãi lần đầu được đi xe lô về quê bên ngoại ở Cần Long, Trà Vinh. Năm đó tôi chín tuổi, đi cùng với người anh bà con. Xe lô có bãi xe ở Bến Bạch Đằng và Bến Chương Dương. Bãi xe lô hay nhiều bãi bến xe đò khác khắp nơi trong thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn đều nằm hai dãy dọc theo đường phố. Phòng vé là một cái quầy hay cái bàn gắn tấm biển to đề tên từng hãng xe, chạy lộ trình nào. Riêng xe lô không cần bán vé, khách đến bãi xe còn chỗ trống cứ lên, đủ người thì bác tài chạy. Loại xe này gọi đúng tên là “Location”, sơn màu đen, kiểu xe ô tô chở chừng bảy tám người nhưng bác tài cố nhét thêm hành khách. Xe lô chạy nhanh hơn xe đò vì không bắt khách dọc đường, không lên xuống hàng hóa cồng kềnh, lại có khi qua cầu tạm không cần bắt hành khách xuống cuốc bộ. Để gió lùa vào cho hỉ hả đám hành khách ngồi chật cứng như nêm, lại thêm giỏ xách túi bị, va li linh tinh, bác tài mở cửa sau bung lên cột chặt lại, người ngồi phía sau ngó ra phố phường. Xe chạy ra khỏi Phú Lâm, nhìn cảnh đồng lúa xanh tươi hai bên đường, lòng cảm thấy phơi phới mặc dầu lâu lâu tôi phải nhắc mông trở cẳng vì bị ngồi bó gối.



Xe đồ nhỏ chạy bằng than sau năm 1975 - Nguồn: Anhxuavn

Nói là đi xe lô thì hành khách không cần xuống bộ qua cầu tạm, chứ lần đó tôi vẫn phải xuống cước bộ như bao chuyến xe đồ khác. Tôi mới ca cẩm, xe lô cái nổi gì, có mà “lô ca chân” theo lời hát của một tuồng cải lương trên truyền hình. Sau năm 1968, cuộc chiến ngày càng ác liệt, cầu đường nhiều nơi bị “mấy ông” gài mìn phá hủy, có nơi phải dựng cầu tạm, đầu cầu có đặt trạm kiểm soát của quân cảnh hay cảnh sát. Đường về Trà Vinh chỉ hơn 160 cây số mà qua mấy chục cây cầu, lại phải chờ phà Mỹ Thuận. Đi xe lô cho được nhanh mà về đến nơi phải mất năm sáu tiếng đồng hồ, hướng hồ chỉ hành khách đi miệt Hậu Giang, Cà Mau xuống ở bến xe còn phải đón đồ về nhà ở vùng U Minh, Miệt Thứ mất cả ngày đường. Chỉ có xe thư tức là xe đồ làm nhiệm vụ giao nhận thư từ bưu phẩm chuyển cho bưu điện tỉnh mới được ưu tiên, không phải lụy phà hay bị cảnh sát xét hỏi. Bây giờ xe đồ tiến bộ hơn nhiều, xe có máy lạnh, ghế nằm thoải mái cho

khách đường xa, duy chỉ không có phòng vệ sinh trong xe, lại còn tặng thêm nước uống, khăn ướt lau mặt. Xe chạy nhanh nhờ có cầu qua hai con sông Tiền và sông Hậu, tôi ngồi xe Mai Linh chạy một lèo về tới chợ Cà Mau chỉ mất sáu tiếng đồng hồ. Nếu không kể đến loại xe dù bắt khách dọc đường, thì xe đò là phương tiện đi đường xa tương đối rẻ tiền.



Bến xe đò Petrus Ký năm 1950 – Nguồn: AnhxuaVN

Trước năm 1975, Xa cảng miền Tây là bến tập trung các xe đò về các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh đó lại có bến xe Chợ Lớn đi về Cần Giuộc, Gò Công, Lý Nhơn, về sau bến xe này gộp lại với Xa cảng miền Tây mở rộng thành Bến xe miền Tây nằm trên đường Kinh Dương Vương quận Bình Tân. Còn bến Miền Đông dành cho xe đi các tỉnh miền Trung và phía Bắc trên đường Petrus Ký trước kia thì gộp lại với hai bến xe nhỏ là Nguyễn Cư Trinh đi lộ trình cao nguyên và Nguyễn Thái Học đi Long Hải – Vũng Tàu – Phan Thiết, rồi sau đó vài năm chuyển về bến xe Văn Thánh, và cuối cùng yên vị tại Bến xe miền Đông trên đường Đinh Bộ Lĩnh hiện nay. Nhưng nghe đâu hai bến xe này sẽ phải dời ra xã Tân Túc huyện Bình Chánh và Suối Tiên Q. 9 để có diện tích rộng hơn, đáp ứng được cho nhu cầu ngày càng tăng. Sẽ thiếu sót nếu không nhắc đến Bến xe An

Sương, bến này đứng ra có xe đi Tây Ninh – Bình Phước – Bù Đăng, Bù Đốp vùng Tây Trường Sơn, nhưng cũng có xe đi vài tỉnh thành của cả ba miền, do hai bến xe miền Đông và miền Tây nhỏ hẹp.



Bến xe đò trên đường Nguyễn Cư Trinh trước 1975- Nguồn: Anhxuavn

Ai cũng có kỷ niệm lần đầu đi xe đò. Mỗi chuyến xe chuyên chở nỗi niềm hoài niệm. Có người nhớ chuyện tiền vé như nhà văn Sơn Nam. Có người lòng phơi phới nhìn thấy phong cảnh đồng lúa xanh tươi chạy dài bên quốc lộ như tôi. Cũng có người nhớ mùi mồ hôi, mùi xăng dầu giữa nắng gió miền Trung. Nhớ bến bãi ồn ào í ới ngày xưa. Và cũng có người tuổi đời chồng chất, nhớ cảnh xuống xe qua cầu xe lửa Bến Lức, Tân An thuở xa lắc xa lơ.

Trang Nguyên

XÍCH LÔ MỘT THỬA

Tình cờ tôi nghe giai điệu trẻ trung trong bài hát “Xích lô” của nhạc sĩ Võ Thiện Thanh: “Xích lô ai không hay ước mơ / cứ vui đùa nhé cứ mơ lặng lẽ cứ lom khom đi về... La la lá la...” Lời bài hát làm tôi nhớ đến một bài báo của ký giả Charles Sidilaire đăng trên tạp chí Đông Dương số tháng 4/1952 về nghề phu xích lô từ xa xưa. Tác giả ghi nhận rằng, dường như người phu xích lô không có một ước mơ lớn trong cuộc đời, chỉ mong kiếm sống hằng ngày với đôi chân gồng cơ bắp trên đường phố Sài Gòn-Chợ Lớn.



HinhanhVietNam.com

Xích lô trên đường phố Sài Gòn năm 1961 – Nguồn: LIFE.

Đối với nhiều người trong đó có tôi, xích lô là phương tiện di chuyển quen thuộc. Vào những năm sáu mươi, nhiều tỉnh thành đã xuất hiện loại xe thô sơ này nhưng Sài Gòn vẫn là nơi để lại nhiều ấn tượng. Bởi Sài Gòn-Chợ Lớn trở thành nơi đầu tiên du nhập phương tiện xích lô thay cho hình ảnh người phu kéo xe lam lũ trước đó nhiều chục năm bằng một hình thức ít nhọc nhằn hơn. Theo bài báo “A look at the Pedi-Cab (Cyclo-Pousse) – King of Saigon streets”, Charles Sidilaire cho biết, Cyclo hay đơn giản là “Clo” là tiếng gọi phu xe quen thuộc của người Sài Gòn thuở xưa cách nay gần tám mươi năm.



*Xích lô đầu năm 1940 có hình dáng thấp và đường nét khác xe xích lô sau này -
Nguồn: Southeast Asian Indochina.*

Đó là thời chiến tranh Đông Dương, sau khi Nhật rút quân về nước và quân đội Anh nhảy vào giúp người Pháp trở lại Việt Nam, cho đến năm 1952 thì dân số Sài Gòn-Chợ Lớn tăng vọt do tác động cuộc di dân từ nông thôn lên thành thị, lên đến một triệu bảy trăm ngàn người. Chính giai đoạn này là thời kỳ vàng son của nghề phu xe xích lô đạp. Và tiếp đến xích lô máy cũng bắt đầu xuất hiện khi dân số đô thành tiếp tục trên đà gia tăng trong cuộc di cư sau năm 1954 của hàng trăm ngàn người từ Bắc vào Nam.

Nhưng hãy từ từ chuyện xích lô máy để tôi tiếp tục chuyện xích lô đạp theo dòng sự kiện, mặc dầu xích lô gắn máy xuất hiện chỉ sau khi xích lô đạp chạy đầy Sài Gòn-Chợ Lớn chừng mười năm, tức là đầu thập niên bốn mươi. Thời gian trước đó, người Hà Thành và Sài Thành vẫn sử dụng xe kéo tay, khiến hai nhà văn Nguyễn Công Hoan viết cuốn “Ngựa người người ngựa” và Tam Lang Vũ Đình Chí viết thiên phóng sự “Tôi kéo xe” để nói lên sự cùng cực của dân đen kiếm sống dưới thời thuộc địa.



Xích lô máy đầu thập niên 50 có vẻ hai bên nhỏ – Nguồn: Southeast Asian Indochina.

Xích lô đạp thay thế xe kéo, thịnh hành và phát triển mạnh nhất ở Sài Gòn. Đầu thập niên năm mươi, đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn có chừng 6,500 chiếc xích lô. Thời đó, phu xích lô phải có giấy phép lái xe do Sở cảnh sát cấp mới được phép hoạt động. Nhưng thực tế không phải ai cũng đi xin giấy phép trong khi số phu xe xích lô lên đến gần mười hai ngàn người. Một số người phải thuê xe xích lô đạp kiếm sống vì nghề này cực nhọc nhưng mỗi ngày trừ chi phí thuê xe chừng 20 đồng Đông Dương ra thì có thể kiếm 30 – 40 đồng để nuôi sống được gia đình. Do đó, ở Sài Gòn-Chợ Lớn xuất hiện nhiều nhà giàu đầu tư cho phu thuê xe hai ca sáng chiều. Tuy vậy, theo ký giả Charles Sidilaire thì hầu hết giới phu xe vẫn nghèo và là giai cấp thấp trong xã hội. Không ít phu xe kiếm được đồng nào thì đem đi cờ bạc tại Đại Thế Giới và sòng bạc Kim Chung để tìm vận may đổi đời.

Nhà cho thuê xe phải là người khá giả, giàu có. Có nhà đầu tư vài chiếc, hay quy mô hơn vài chục chiếc, vài trăm chiếc, kiếm vài trăm đến vài ngàn đồng bạc Đông Dương bỏ túi mỗi ngày là chuyện dễ dàng. Vào thời Bảy Viễn làm thủ lĩnh Bình Xuyên kiêm Tổng trấn Sài Gòn-Chợ Lớn, ngoài việc thầu sòng bạc Đại Thế Giới, ông còn làm chủ chừng 30 chiếc xích lô cho thuê. Đến năm 1955, ông bị Thủ tướng Ngô Đình Diệm dẹp tan vì chống đối chính phủ và sau đó lưu vong sang

Pháp.



Hình ảnh xe Triporteur hiệu Peugeot năm 1950 tại Pháp trước khi chế tác lại làm xe xích lô máy Nguồn: hinhanhvietnam.com.

Việc ký giả Charles Sidilaire nhắc đến ông trùm sòng bạc Bảy Viễn, là một nhà đầu tư cho thuê xe xích lô với số đầu xe ít ỏi cũng chỉ để thấy làm nghề cho thuê xe là công việc tay trái kiếm tiền một cách dễ dàng của người Sài Gòn giàu có. Mặt khác đó là cách viết đẩy đưa dẫn dắt trước đó gần mười năm, một nhà đầu tư công nghiệp người Pháp tên Pierre Coupeaus, người đầu tiên thành lập hãng Pedi-Cab ở Phnom-Penh vào cuối thập niên 30 và khoảng cuối thập niên 40, ông thành lập hãng Pedi-Cab ở số 6 đường Marne Wharf (Bến Vân Đồn ngày nay). Chính tại đây, làm ra những chiếc xe xích lô đạp với phụ tùng sơn líp nhập từ Pháp quốc; và đầu thập niên 50, nơi đây cũng là đầu mối nhập cảng cả ngàn chiếc xích lô máy cùng với xe taxi Renault chạy khắp Sài Gòn-Chợ Lớn. Theo bài báo, thời điểm 1952, Sài Gòn có đến 1,800 chiếc xích lô máy. Một cạnh tranh thương trường trong ngành giao thông bùng phát vì chiếc xe không còn dùng sức cơ bắp đôi chân, lại chạy nhanh, giá cả bình dân so với xe taxi chỉ dành cho giới thượng lưu đương thời.

Nói về chuyện cạnh tranh giữa xích lô đạp và xích lô máy, thẳng bạn thân của

tôi rất rành. Ba của hắn chạy xích lô máy vào thuở chúng tôi còn chưa ra đời. Vào những năm cuối thập niên 50, giá một chiếc xe xích lô máy khoảng tám cây vàng. Một số tiền không nhỏ nhưng một cuộc xe xích lô máy từ Sài Gòn vô Chợ Lớn chỉ mất gấp đôi xích lô đạp. Vừa nhanh, chở nhiều khách, có khi cả gia đình bốn năm người chất lên xích lô máy đi Lăng Ông Bà Chiểu thì còn gì tiện lợi hơn. Vì thế, khách đi xích lô máy rất nhiều, có khi khách kêu không kịp ăn uống.



Xích lô máy giữa năm 1955 có vẻ to bản hơn chạy trên đường Trần Hưng Đạo có xe điện Sài Gòn-Chợ Lớn – Nguồn: Southeast Asian Indochina.

Bạn kể, nghe đâu xích lô máy của Ba bạn là loại xe được chế tác lại từ kiểu xe nguyên thủy mới nhất của xe Triporteur Peugeot hai thì chạy bằng xăng pha nhớt, sản xuất tại Pháp. Loại xe này nguyên là xe chở hàng hóa nông sản từ các vùng nông thôn đến các chợ hoặc siêu thị bên Pháp. Hình dáng của nó gần giống xe ba gác máy chở hàng. Dàn phía sau là của xe Triporteur, còn dàn phía trước rập khuôn xích lô đạp nên gọi là xích lô máy. Công việc chạy xích lô máy khăm khá, cho đến khi ông gom góp đủ tiền mua chiếc taxi chở khách nước ngoài ở khu vực gần phi trường Tân Sơn Nhất vào giữa thập niên sáu mươi. Và chính trong thời gian này, xe Lam (Lambro) du nhập vào Sài Gòn, một cuộc cạnh tranh khác mà chủ yếu với loại xe xích lô máy. Xe Lam chở nhiều khách, rẻ tiền và nhiều hàng hóa trên mui khiến cho nghề xích lô máy dần sa sút và biến mất sau năm 1975 do khan hiếm xăng dầu.

Tôi nhớ vào năm 1979, sau khi hồi phục từ ca mổ ruột thừa tại bệnh viện

Nguyễn Trãi, tôi đã đón xích lô máy về nhà. Xích lô máy lúc ấy không còn nhiều như thời trước và mãi cho đến năm 1985 mới có lệnh cấm xích lô máy hoạt động, khiến một số chủ bán xe, số khác chế tạo lại thành xe ba gác máy chở hàng ở các chợ đầu mối vùng ngoại thành rồi tuyệt tích “giang hồ” từ đó.



Phương tiện vận chuyển xe lam xuất hiện giữa thập niên 1960 làm cuộc cạnh tranh xe xích lô máy tàn lụi – Nguồn: hinhanhvietnam.com.

Thế nhưng, tôi vẫn nghe nhiều người nhớ tiếc xích lô máy hơn xích lô đạp, và xích lô đạp đang biến mất dần với những lệnh cấm hoạt động trên nhiều tuyến đường trong nội thành. Nghe nói, hiện nay còn chưa tới ba trăm chiếc xích lô, mà đa phần phu xe là người từ các vùng quê khác vào Sài Gòn mưu sinh, đạp xe ở các khu vực ngoại thành.

Trang Nguyên

SAIGON VÀ NHỮNG TÊN ĐƯỜNG XƯA

Từ hơn một thế kỷ nay, nước Việt Nam đã chịu rất nhiều thay đổi về chánh trị, hành chánh, văn hóa, xã hội.... luôn cả tên đường của Sài Gòn. Nhiều đường đã thay đổi tên hai, ba lần và vài đường mang tên các vị anh hùng hồi đời nhà Nguyễn đều biến mất. Vài người Việt ở nước ngoài khi trở về nước gặp nhiều khó khăn mới tìm lại được nhà mình đã ở lúc trước. Những bạn sanh ra sau 1975 lại không thể hình dung các tên đường thuở trước, nói chi đến lịch sử và tiểu sử của các vị đó. Riêng tôi, nhờ những kỷ niệm in sâu vào óc từ thuở niên thiếu và lại có tánh tò mò muốn biết thêm lịch sử nên tôi cố gắng nhắc lại đây vài tên đường để công hiến các bạn đọc giả và xin ngọn gió bốn phương cho biết thêm ý kiến để tu bổ về sau.

Tôi sanh ra tại nhà bảo sanh của Bác Sĩ Lâm Văn Bốn số 205 đường Frère Louis, gần chợ Thái Bình thuộc Quận 3 thuở đó của Đô Thành Sài Gòn, vào thời Đông Dương sắp vào chiến lửa binh đao, chín tháng trước khi Trân Châu Cảng chìm trong khói lửa, lúc đó Việt Nam còn là một thuộc địa của Pháp Quốc và nhiều đường Sài Gòn mang tên Pháp.

Tôi lớn lên tại Sài Gòn, tại số 148 đường Colonel Boudonnet dọc theo đường rầy xe lửa, sau này đổi tên là Lê Lai tới nay, đường lấy tên của Đại Tá Théodore Boudonnet thuộc Sư Đoàn 2 Bộ Binh Thuộc-Địa và Tư lệnh Sư Đoàn Bộ Binh An Nam, tử trận bên Pháp hồi 1914. Mặt đất đường này thấp hơn các đường Frère Louis, Phan Thanh Giản và Frères Guillerault nên mỗi khi mưa lớn là đường bị ngập : “nhờ vậy” mà sau khi tạnh mưa, dọc theo bức tường ngăn đường rầy và đường lộ những con dế từ đất chui ra hang để khỏi bị ngập, nên tôi đi bắt đến khuya mới về ít lắm là ba bốn con và thường bị mẹ tôi quở trách.

Sau khi “chạy giặc” hồi 1945 vì máy bay đồng minh oanh tạc nhà ga và đường rầy xe lửa để chặn tiếp tế cho quân Nhật, gia đình tôi trở về sống tạm trước Nhà thờ “Huyện Sĩ” đường Frères Guillerault và năm sau rồi dọn trở về lại hẻm 176/11 đường Colonel Boudonnet.

Nhà thờ Huyện Sĩ xây cất năm 1905, ông là người giàu có vùng Gò Công, tên thật là Lê Phát Đạt và là Ông ngoại của Nam Phương Hoàng Hậu, vợ của Hoàng Đế Bảo Đại.

Gần nhà thờ Huyện Sĩ có hai đường mang tên Frère nhưng nếu Frère Louis là để tưởng nhớ đến Thầy Louis Gaubert lập ra trường Tabert, đường Frères Guillerault (có chữ “S” sau Frères) là để tưởng nhớ đến hai anh em Roland và

Léon Guillerault sinh trưởng tại Sài Gòn và tử trận trong Đệ Nhứt Thế Chiến bên Pháp.

Trong lúc “tản cư” tôi đi học lớp chót trường làng tại quận Hóc Môn và vì một sự tình cờ mà Ba tôi ghi cho tôi học tiếp miễn phí lớp “Douzième” trường Chasseloup-Laubat, thay vì Petrus Ký như Ba tôi. “Trường Chasseloup” xây cất trong ba năm nơi rạp hát bội của Tả Quân Lê Văn Duyệt, lúc đầu mang tên Collège Indigène de Saigon, nhưng khi khánh thành năm 1877 thì đổi lại là Collège Chasseloup-Laubat và từ 1928 trở thành Lycée có nghĩa là luyện thi đến lớp Tú Tài, mang tên của Hầu Tước Justin De Chasseloup Laubat, Bộ Trưởng Bộ Hải Quân và Thuộc Địa dưới thời Napoléon III, người quyết tâm chiếm và giữ Nam Kỳ. Hồi 1946 quân đội Pháp mới trở lại Việt Nam nên ít có gia đình và trẻ con Pháp sống tại Sài Gòn nên dư giáo viên mà thiếu học trò! Lớp 12è niên khoá 1946-1947 trai và gái học chung tại Collège Calmette gần đó, sau đó vài năm trường này đổi tên là Lycée Marie Curie cho đến ngày nay. Tôi còn nhớ lúc ra về tôi chạy nhanh ra cổng, không phải để tìm Ba tôi, thường người ra sở trễ và đi xe đạp từ “Toà Tân Đáo” (Sở Ngoại Kiêu) ở đường Georges Guynemer dưới Chợ Cũ lên rước tôi, mà là để tranh thủ thời gian để cạo mủ cao su!

Thật vậy, giữa trung tâm thành phố Sài Gòn không hiểu ông Tây nào có ý kiến trồng cây cao su theo hai bên đường Jauréguiberry cho có bóng mát? Bernard Jauréguiberry là một Đệ Đốc Pháp đã đánh vào Đà Nẵng và chiếm thành Gia Định, về sau giữ chức Thượng Nghị Sĩ và Bộ Trưởng Bộ Hải Quân, mà tại sao lại đặt tên cho một đường nhỏ bên hông trường Calmette? Nhưng dù sao đi nữa những cây cao su đó, sau khi lấy đá đập vào vỏ thì chảy ra mủ trắng rất nhiều. Tôi trét mủ ấy trên cặp táp da của tôi rồi khi mủ khô thì cuốn tròn quanh một cục sỏi và ngày qua ngày trở thành một trái banh nhỏ.

Như vậy tôi thuộc vào thành phần “Nam Kỳ chánh cống” và “dân Sài Gòn một trăm phần trăm”, lớp tuổi gần 70 và sống tại Saigon trong 34 năm. Những bạn lớn hơn tôi vài tuổi và những bạn gốc “Bắc trước năm mười tư” mới biết tên đường cũ như tôi, các bạn khác ráng mà tìm các tên trong trang sau cùng! Không phải tôi bị “tây hóa” nên không chịu dùng tên Việt Nam, nhưng các tên đường cũ đã khắc sâu vào trí nhớ tuổi thơ của tôi, hơn nữa lúc trẻ tôi hay tìm tòi trong tự điển Larousse coi ông này là ai mà họ đặt tên đường, sau thế hệ của chúng tôi, ít còn ai nhớ đến tên những con đường Sài Gòn năm xưa...

Mẹ tôi có thuê một cyclo để đi làm và đưa tôi đi học tại trường Chasseloup, “Chú Ba Xích Lô” mỗi ngày chạy ra phía nhà ga Sài Gòn theo đường Colonel Boudonnet, sau khi qua rạp hát Aristo, nay là New World Hotel, quẹo trái qua

đường Chemin des Dames và băng qua đường Lacote (chớ không phải Lacotte, Moïse Lacote là cựu Trưởng Ban Hành Chánh vùng Gia Định và Giám Đốc Thuế Vụ Nam Kỳ vào năm 1896) hoặc theo đường Amiral Roze (người đã từng tấn công Nam Hàn) để đi thẳng tới đường Gia Long, tên của đường La Grandière vào khoảng ấy (Đề Đốc Pierre De La Grandière thay thế Đề Đốc Bonard là một trong những Thống Đốc đầu tiên của Nam Kỳ, Ông tự động đi chiếm xứ Cambodge năm 1863 mà không có lệnh của Hoàng Đế Napoléon III và cũng chính Ông đã chiếm ba tỉnh miền Tây năm 1867 làm cho Cụ Thống Tướng Phan Thanh Giản phải đầu hàng và sau đó tự vận, dưới thời Đề Đốc De La Grandière Sài Gòn phát triển mạnh mẽ).

Chú Ba Xích Lô xuyên qua vườn “Bờ Rô” để có bóng mát rồi ra đường Larégnère, sau này là đường Đoàn Thị Điểm. Tôi không biết tại sao người ta kêu công viên đó bằng tên ấy, có thể là phiên âm của chữ “préau” (sân lót gạch) nhưng theo học giả Trần Văn Xương thì do Ông “Moreau”, tên của người quản thủ Pháp đầu tiên chăm nom vườn này; thuở trước các người lớn tuổi còn gọi là “vườn Ông Thượng”, có thể là vì trước kia Tả Quân Lê Văn Duyệt là người tạo ra vườn này. Dưới thời Pháp thuộc vườn “Bờ Rô” nằm trong khu đất của dinh Thống Đốc nhưng vào năm 1869 Phó Đề Đốc Hector Ohier, người thay thế Đề Đốc De La Grandière, cắt chia đất và tặng thành phố vườn này mang tên Parc Maurice Long. Mười năm sau đường Miss Cavell được tạo ra, lúc đó mang tên rue de la Pépinière, để biệt lập với dinh Thống Đốc mà sau này là Palais Norodom và sau 1954 trở thành Dinh Độc Lập rồi Dinh Thống Nhất sau 1975. Cũng có thể tên “Ông Thượng” là Ông Ohier, có tên đường dưới chợ cũ, nhưng tới đời tôi chỉ gọi vườn đó là “vườn Bờ Rô”, sau này mang tên vườn Tao Đàn.

Ra vườn Bờ Rô gặp đường Chasseloup-Laubat rồi đi thẳng trên đường Larégnère, sau đó tới đường Testard : hai tên này ở gần nhau cũng đúng vì Trung Tá Bộ Binh Jules Testard và Thiếu Úy Hải Quân Etienne Larégnère, 31 tuổi (chớ không phải Lareynière hay Laraignère) tử vong cùng một trận đánh ác liệt tại Đồn Kỳ Hòa, ở vùng trường đua Phú Thọ, giữa lực lượng của Thống Tướng Nguyễn Tri Phương và Đô Đốc Victor Charner năm 1861. Ai cũng biết đường Chasseloup-Laubat, một đường chiến lược rất dài đi từ Chợ Lớn, từ đường 11è R.I.C (Régiment d’Infanterie Coloniale) đến Thị Nghè, sau 1955 đường này đổi tên là Hồng Thập Tự.

Đi thẳng đến đường Testard, chú Ba quẹo mặt và bỏ tôi xuống ở góc đường Barbé vì học sinh vào trường Chasseloup bằng cửa sau. Góc đường này sẽ liên hệ nhiều với tôi sau này khi tôi trở thành sinh viên y-khoa. Đường Barbé (chớ không

phải Barbet) có từ lâu và mang tên của Đại Úy Nicolas Barbé thuộc Sư Đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến Pháp bị Ông Trương Định cho tên Nguyễn Văn Sắt ám sát vào năm 1860 gần chùa Khải Tường, nơi vua Minh Mạng sinh ra năm 1791 lúc Nguyễn Ánh chạy loạn vào miền nam để tránh anh em Tây Sơn. Chùa này do Nguyễn Ánh sau khi trở thành vua Gia Long ra lệnh xây cất để tạ ơn Phật Trời đã che chở cho con trai là Nguyễn Phúc Đảm (vua Minh Mạng sau này), sau đó chùa được lập làm đồn chống Pháp nên bị lính Pháp phá dẹp hồi 1880, pho tượng Phật hiện còn lưu niệm trong Viện Bảo Tàng Sài Gòn, trong Sở Thú. Trên nền chùa bỏ hoang này về sau có cất lên một biệt thự lầu lớn kiểu âu-châu tại số 28 đường Testard mà Bà Bác Sĩ Henriette Bùi (con gái thứ ba của Ông Bùi Quang Chiêu) mượn lại của người chủ là một luật sư người Pháp làm dưỡng đường sản-phụ khoa vào thập niên 1940. Ông Bùi Quang Chiêu (1872-1945) là kỹ sư canh nông Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp bên Pháp năm 1897 và bị Trần Văn Giàu (phong trào Việt Minh) ám sát cùng ba người con trai vào tháng 9 năm 1945. Còn Bà Henriette Bùi Quang Chiêu sinh năm 1906 là người đàn bà Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp y-khoa bác sĩ tại Paris năm 1929, nay Bà đã 103 tuổi và hiện còn minh mẫn và sống tại ngoại ô Paris: Bà kể lại rằng vào năm 1943 nhà này được bán lại cho một người Do Thái tên là David chủ của nhiều biệt thự tại Sài Gòn; vào đầu năm 1945 chánh phủ Pháp trưng dụng nhà này và cho Bà thuê một biệt thự khác ở đường Blancsubé để dời dưỡng đường đến đấy. Tháng 3 năm 1945 Nhật đảo chánh Pháp và tịch thu căn villa này, và khi Pháp trở lại thì trao cho Viện Đại Học Sài Gòn để rồi năm 1947 nơi này trở thành chi nhánh của Đại Học Y-Dược Khoa Hà Nội rồi năm 1954 thành Đại Học Y-Dược Khoa Saigon, nơi tôi được đào tạo trong sáu năm với GS Phạm Biểu Tâm làm Khoa Trưởng. Nơi đây kỷ niệm này nay là Bảo Tàng chứng tích chiến tranh.

Lớn lên tôi đi xe đạp về một mình nhưng thích đi theo đường Testard hơn vì có bóng mát dưới hàng cây me, song song với đường Richaud (sau đổi lại đường Phan Đình Phùng) và thường ghé biệt thự số 6 đường Eyriaud des Vergnes (sau là Trương Minh Giảng) chơi với một bạn học cùng lớp, nhứt là vào mùa các cây trứng cá có trái. Ông Etienne Richaud là một Toàn Quyền Đông Dương hồi cuối thế kỷ XIX, còn Ông Alfred Eyriaud Des Vergnes người gốc Châteauroux là Kỹ Sư Trưởng Nha Công Chánh Nam kỳ (Cochinchine), Ông là một thần đồng tốt nghiệp trường Polytechnique tại Paris lúc 17 tuổi sau đó học trường Ponts et Chaussées, ra lệnh lấp kinh Charner, tạo hệ thống cống dài 7 km, cất 12 cầu theo "Kinh Tàu" (Arroyo chinois nối liền với rạch Bến Nghé chảy ra sông Sài Gòn). Ông Eyriaud Des Vergnes là người đầu tiên có ý lập ra đường sắt tại Việt Nam

chạy lên Cambodge nhưng kế hoạch không thành, về sau nhờ Kỹ Sư Thévenet Giám Đốc Nha Công Chánh Nam Kỳ và sự hỗ trợ của Cố Vấn chánh phủ Paul Blanchy mà Việt Nam có đường sắt đầu tiên đi từ Sài Gòn đến Mỹ Tho năm 1885. Hai người này cũng có tên đường và sau 1955 đổi lại là Tú Xương (Thévenet) và Hai Bà Trưng (Paul Blanchy).

Sau khi qua đường Pierre Flandin (tên của một “đứa con” của Sài Gòn tuy sanh tại vùng Vaucluse và tử trận tại Noyon, tỉnh Oise, miền bắc nước Pháp vào năm 1917), đến cuối đường gặp rạp hát Nam Quang (nay vẫn còn), tôi quẹo trái ra đường Verdun (khoảng đó tên là đường Thái Lập Thành), đến ngã sáu Sài Gòn thì tôi lại đi qua đường Frère Louis để về nhà bằng đường d'Ypres cho vắng xe. Đường nhỏ này ở sau “Mả Lái Gầm”, đúng hơn là của Ông Mathieu Lê Văn Gầm, có bức tượng trong nhà thờ Huyện Sỹ, tử đạo thời vua Thiệu Trị vì bị hành hình lỗi năm 1847, mả đó nay vẫn còn nguyên tuy bị che khuất, và Ypres là tên một thành phố nhỏ bên vương quốc Bỉ, như thành phố Dixmude, nơi đã xảy ra những trận đánh lớn hồi Đệ Nhứt Thế Chiến.

Đi xích lô mỗi ngày như vậy hoài cũng chán nên tôi thường đề nghị với Chú Ba đi về bằng ngà khác, thuở ấy đường phố ít xe hơn bây giờ vì Sài Gòn và Chợ Lớn không hơn một triệu dân cư. Tôi thích nhứt đi về nhà qua chợ Sài Gòn : Chú Ba tránh đường Mac Mahon (sau 1952 đoạn này lấy tên De Lattre de Tassigny và sau đó là Công Lý), đi đường Barbé và một đoạn đường Chasseloup-Laubat, rồi quẹo trái qua đường Miss Cavell với hàng cây cao bên hông Cercle Sportif Saigonnais (tên không phải viết Cawell hay Cavel : Edith Cavell là một nữ y-tá người Anh bị quân Đức xử bắn tại Bỉ vào năm 1915 lúc 50 tuổi vì giúp tù binh Anh, Bỉ và Pháp trốn qua Hòa Lan) để trở ra đường Aviateur Garros rồi xuống chợ Sài Gòn, nơi bán nhiều trái cây (Roland Garros là phi công Pháp đầu tiên bay xuyên biển Méditerranée hồi 1913 và tử trận năm 1918).

Rồi cứ đi theo mãi đường d'Espagne (sau là Lê Thánh Tôn) vì vào 1859 quân lính Tây-Ban-Nha dưới quyền chỉ huy của các Đệ Đốc Pháp đóng tại đó) để về Ngã Sáu (Phù Đồng) rồi về Colonel Boudonnet bằng ngã Amiral Roze. Đặc biệt Sài Gòn có rất nhiều tên đường mang tên các trận đánh thời Đệ Nhứt Thế Chiến (Boulevard de la Somme, Chemin des Dames, đường Verdun, đường Arras, đường Champagne, đường Dixmude, đường Douaumont, Quai de la Marne....) và tên các đệ đốc Pháp vì dưới thời các vua Minh Mạng và Tự Đức tất cả quân Pháp đến Việt Nam bằng tàu thủy mà hai vị có tiếng nhứt là Charner và Bonard. Đô Đốc Léopold Victor Charner người vùng Bretagne, gốc Thụy Sĩ là Tổng Tư Lệnh Lực Lượng Hải Quân Pháp tại Đông Nam Á, người đã chiếm Nam Kỳ, còn

Đề Đốc Adolphe Bonard (chớ không phải Bonnard) là Thống Đốc đầu tiên của Nam Kỳ do hoàng đế Napoléon III bổ nhiệm vào năm 1861 dưới thời vua Tự Đức.

Vào cuối thế kỷ XIX kinh rộng nhứt của Sài Gòn là “Kinh Lớn” hay “Kinh Charner” đi từ sông Sài Gòn đến Tòa Thị Sảnh, có hai đường dọc hai bên : đường chạy xuống bờ sông là đường Rigault de Genouilly, đường chạy lên là đường Charner. Vì mùi hôi thúi người Pháp lấp kinh lại sau nhiều năm bần cãi và khi “đường Kinh Lấp” thành lập thì đương nhiên lấy tên Boulevard Charner vào năm 1861 nhưng Ba tôi vẫn gọi là đường Kinh Lấp vào những năm 1930. Trước đó, có một kinh dẫn nước sinh lầy chảy ra Kinh Tàu từ chợ Bến Thành (người Pháp gọi là Les Halles Centrales), theo Học Giả Vương Hồng Sển vì gần rạch Bến Nghé và gần Thành Gia Định, kinh đó mang tên kinh Gallimard. Thiếu Tá công binh Léon Gallimart có dự trận đánh Kỳ Hòa, và đào kinh này vào năm 1861 theo lệnh của Đô Đốc Charner. Kinh này sau khi lấp lại theo ý kiến của kỹ sư Thiếu Tá Bovet năm 1867 lấy tên là Đại Lộ Bonard, vì thế đường này mới rộng lớn như ngày nay. Lúc lấp kinh và bến đò họ thành lập một công trường lớn, đó là “Bùng Binh” trước chợ Bến Thành mà người Pháp gọi là Place Eugène Cuniac, tên của một Thị Trưởng Sài Gòn, nay vẫn còn tên Công Trường Quách Thị Trang, một nữ sinh thiệt mạng lúc biểu tình dưới thời Ngô Đình Diệm năm 1963. Trước Tòa Thị Xã Sảnh, ở góc đường Charner và Bonard cũng có một bùng binh nhỏ với nước phun lên tên là Place Francis Garnier, nay là công trường Lam Sơn, để tưởng nhớ đến một sĩ quan hải quân trẻ tuổi phiêu lưu trên đất bắc và tử thương tại Hà Nội hồi 1873. Nhiều đường khác cũng do lấp kinh mà ra như Boulevard de La Somme (rạch Cầu Sấu, sau này là đại lộ Hàm Nghi), đường Tổng Đốc Phương (hay Đỗ Hữu Phương), đường Pellerin (tên của một Giám Mục đã bênh vực công giáo Việt Nam nhưng khuyên lằm Đề Đốc Rigault De Genouilly lúc tấn công Đà Nẵng vào 1858) sau này đường Pellerin lấy tên là Pasteur.

Đường mà tôi thích nhứt, sang trọng nhứt và có tiếng nhứt Sài Gòn là đường Catinat, có trước khi người Pháp đến và mang tên một thuyền lớn đã bắn đại bác vào Đà Nẵng (chớ không phải tên của một Đề Đốc như nhiều người tưởng, thuyền “Le Catinat” lấy tên của Thống Chế Nicolas de Catinat, sống hồi thế kỷ XVII dưới thời Louis XIV). Nơi đó có rất nhiều tiệm sang trọng, đường phố sạch sẽ và có nhiều “Ông Tây” ngồi uống cà phê tại khách sạn Continental, lúc đó chưa có tiệm Givral và nơi đó là Nhà Thuốc Tây Solirène, thay thế Pharmacie Centrale. Sau này có thêm tiệm Brodard ở gốc đường Catinat và Carabelli, tên của một Nghị Viên thành phố. Tôi cũng có dịp vô nhà sách Albert Portail (nay vẫn còn dưới tên Xuân Thu từ 1955) và đi dạo trong Passage Eden vì trong cùng có rạp hát

Eden, rạp này và rạp Majestic ở cuối đường Catinat là hai rạp chiếu bóng sang nhứt Sài Gòn vào thuở đó; đi chơi vậy chớ có tiền đâu mà mua đồ, nhiều lắm thì lấy vài tấm hình mà các ông phó nhòm chụp dạo lúc đi trước “Nhà Hát Tây”, cất theo kiểu Opéra bên Paris. Đường Catinat là đường tráng nhựa đầu tiên của Sài Gòn, khi mới tráng người ta kêu là đường “Keo Su” dài tới Nhà Thờ Đức Bà ; qua công trường Pigneau de Béhaine trước Bưu Điện có bức tượng Ông “Cha Cả” hay Evêque d’Adran dẫn Hoàng Tử Cảnh ra trình diện Louis XVI tại Versailles. Sau khi qua khỏi đường Norodom thì đường Catinat lấy tên của Cố Vấn chánh phủ và Nghị Viên Thị Xã Sài Gòn Blancsubé và tiếp theo công trường Maréchal Joffre với tượng đài chiến sĩ tử vong trong Đệ Nhứt Thế Chiến là đường Garcerie với những hàng cây cao, sau này mang tên Duy Tân và công trường Quốc Tế hay “Hồ Con Rùa”.

Ba tôi có nhiều bạn người Tàu và thường vô Chợ Lớn chơi bằng xe lửa điện (tramway) mà người ta thường gọi là “xe lửa giữa” vì chạy giữa đường Gallieni, tới trạm gare de Nancy thì bạn của Ba tôi lên xe lửa đi cùng vì ở gần thành Ô Ma (Camp des Mares, sau này là Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia). Tôi còn nhớ xe lửa giữa đó, với ghế cây theo kiểu của Métro xưa bên Paris, chạy thẳng theo đường Gallieni nối liền Sài Gòn với Chợ Lớn. Ba tôi nói lúc trước nơi đây toàn là đất hoang và sinh lầy, sau khi lấp bung thành đường đất gồ ghề rồi khi Ba tôi xuống Sài Gòn học vào năm 1928 thì đường mới được tráng nhựa và năm sau điện giăng giữa chia con đường làm hai chiều, một bên chạy lên một bên chạy xuống, đường rầy xe điện đặt trung tâm đại lộ, đến năm 1953 mãn hạn giao kèo khai thác mới dẹp. Đường này mang tên của Thống Chế lừng danh Joseph Gallieni chết năm 1916 nhưng phục vụ ngoài Bắc lúc còn Đại Tá Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh và sách vở ghi công Ông về tổ chức hành chánh tại Đông Dương. Tên của Ông viết với chữ “e” chớ không phải với chữ “é” vì là người gốc Ý Đại Lợi.

Xe điện chạy thẳng vô đường rue des Marins, qua khu Đại Thế Giới nay là khu Cát Tường và đường Jaccario (vì lúc trước pháo hạm “Le Jaccario” đậu gần đó trên “Kinh Tàu” hay Arroyo chinois trong Chợ Lớn, và chắc lính thủy lên bờ nhiều nên mới gọi là rue des Marins), ở góc đường có vũ trường Arc-En-Ciel, sau 1975 đổi tên là nhà hàng và khách sạn Arc-En Ciel Thiên Hồng, đến đường Tổng Đốc Phương thì quẹo qua trái mới đến Bưu Điện Chợ Lớn, nhà ga cuối cùng là Gare Rodier, tại Kinh Tàu.

Lúc còn ở đường Colonel Boudonnet tôi có nhiều bạn ở khu nhà thờ Huyện Sỹ và thường vô phía sau nhà thờ bắn “giàn thun” trên mấy cây soài nên bị “Ông Từ” rượt nhiều lần! Ngoài đường Frères Guillerault trước nhà thờ, còn có đường

Duranton và đường Léon Combes mà sau này đổi tên là Sương Nguyệt “Ánh”. Trung Sĩ Léon Combes là một đứa con của Sài Gòn ở Giồng Ông Tố bên Cát Lái từ trận năm 1917 tại Craonne, thuộc tỉnh Aisne vùng Picardie phía Bắc Paris. Tôi nhớ, vì học “trường tây” nên tôi thắc mắc và tự hỏi Bà nào mà mang họ Sương mà tôi tìm hoài trong sách vở không thấy? Sau này tham khảo mới biết đó là tên bút hiệu của Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuê (có sách nói là Nguyễn Xuân Khuê), con gái thứ tư của cụ Nguyễn Đình Chiểu, người đàn bà đầu tiên làm Chủ Bút báo “Nữ Giới Chung” cho phụ nữ hồi 1918. Tuần báo này còn tên là Fémina Annamite và tòa soạn ở 13 đường Taberd, trong sách kể là Sương Nguyệt ANH (=Góa phụ Nguyệt Anh), nhưng tại sao hồi 1955 họ đổi tên đường Léon Combes thành Sương Nguyệt ANH?

Về sau, gia đình tôi dọn về Chợ Lớn ở đường Lacaze, nay là đường Nguyễn Tri Phương, nổi tiếng vì “Mì La Cai”, đường mang tên của Đô Đốc Lucien Lacaze, Bộ Trưởng Bộ Hải Quân từ 1915 đến 1917 hồi Đệ Nhứt Thế Chiến, nhưng chúng tôi ở khúc trên, gần gốc đường Pavie (nay là Lý Thái Tổ chớ không phải đường 3 tháng 2 vì đường này mới có vào lối 1957, lúc trước là trại lính) dẫn lên trường đua Phú Thọ. Khúc dưới đường mang tên ông Auguste Pavie (lừng danh trên đất Lào) đặc biệt rộng lớn và rất dài, có nhiều cây và bên trong có đường dành cho xích lô và xe đạp. Nếu đi từ Ngã Bảy xuống công trường Khải Định, từ giữa đường này đến đường Frédéric Drouhet sẽ thấy những biệt thự mà “Chú Hoả” cất cho con cháu ở (tên thường gọi của Jean-Baptiste Hui Bôn Hoả một triệu phú người Tàu tham gia với chánh quyền tặng thành phố Sài Gòn Policlinique Déjean De La Bâtie, tên của một bác sĩ tận tụy lo cho người Việt Nam, ngoài đường Bonard, sau này trở thành Bệnh Viện Đô-Thành), sau 1954 các nhà này dành cho Ủy Hội Kiểm Soát Quốc Tế Đình Chiến ở và khúc đường này gọi là đường Hui Bôn Hoả.

Lúc đó đường Pavie có xe nhà binh pháp chạy nhiều vì có thành lính gần đó và tại khu đường Cây Mai, trước khi tới Phú Lâm. Khu đất từ đường Lacaze đến đường Ducos (sau đổi là đường Triệu Đà) là đồng mả, đường hẻm tôi ở trước một mả đá lớn, mới phá hồi tháng 11 năm 2004 : đó là mả có từ thế kỷ thứ XVIII của một người đàn bà lối 50 tuổi và quan tài thứ nhì chắc là của một người đàn ông, chỉ có vài nữ trang chớ không có vàng bạc chôn theo như người ta tưởng.

Từ đường Lacaze đi ra trường Chasseloup Laubat xa hơn, tôi phải đạp xe xuống Ngã Bảy, quẹo trái qua đường Général Lizé, rồi đạp thẳng hoài, qua khỏi đường Verdun đường này lấy tên Legrand De La Liraye. Qua khỏi trường nữ sinh Gia Long (hồi xưa gọi là Collège des Jeunes Filles Annamites, sau là Trường Áo Tím) và đến tận trường Marie Curie mới quẹo xuống đường Barbé. Đường

Général Lizé là một đường chiến lược rất dài lúc trước gọi là đường Hai Mươi, đi từ Ngã Bảy Chợ Lớn, nối dài đường Pierre Pasquier, đến đường Albert Premier trên Dakao, lấy tên của Trung Tướng Lucien Lizé, xuất thân từ trường Polytechnique, Paris, Tư Lệnh Pháo Binh chiến trường Ý tử trận hồi 1918, có phục vụ bên Việt Nam lúc còn Đại Tá, còn Legrand De La Liraye là một trong những linh mục thông ngôn cho Đề Đốc Rigaud De Genouilly và trở thành Thanh Tra phụ trách về các hồ sơ giữa người Việt và chánh quyền bảo hộ. Sau 1954 đường này đổi thành đường Phan Thanh Giản, một vị anh hùng sáng suốt và can đảm của Việt Nam. Tiếc thay sau 1975 không còn đường nào trên mảnh đất Việt Nam mang tên anh hùng dân tộc này, cũng như không còn đường vào mang tên Lê Văn Duyệt và cũng không còn trường học nào mang tên Petrus Ký! Cho tới nay tôi chưa thấy một học giả Việt Nam nào giỏi hơn Petrus Trương Vĩnh Ký, tuy vài “Sử Gia” buộc tội vị này nhiều điều vô lý, họ quên rằng công lao lớn nhất của Ông Petrus Ký là truyền bá cho dân chúng sử dụng chữ quốc ngữ có từ Alexandre de Rhodes vào thế kỷ XVII thay thế chữ Nôm khó học và khó viết. Tôi nghe nói ở Vĩnh Long hiện nay có một trường học mang tên Phan Thanh Giản và vào tháng 11 năm 2008 rạp chiếu bóng Nguyễn Văn Hảo đường Trần Hưng Đạo tại Sài Gòn đang hát tuồng “Tả Quân Lê Văn Duyệt”, đó là điều đáng mừng vì những vị anh hùng các triều nhà Nguyễn phải được hồi phục.

Hồi thời Pháp thuộc cũng có những tên đường mang tên những anh hùng hay nhân tài Việt Nam như đường Paulus Của (Đốc Phủ Sứ Huỳnh Tịnh Của) trên Dakao, đường Tổng Đốc Phương (Đỗ Hữu Phương) trong Chợ Lớn, đường Phủ Kiệt (Đốc Phủ Sứ Trần Văn Kiệt là Nghị Viên thành phố trên 25 năm), Huỳnh Quan Tiên, Nguyễn Văn Đuờm trên Tân Định (cả hai là Nghị Viên Thuộc Địa và Nghị Viên Thành Phố), Nguyễn Tấn Nghiệm (Nghị Viên), và Trương Minh Ký, một trong những Nghị Viên đầu tiên của thành phố, ông này tên thật là Trương Minh Ngôn cháu bốn đời của Trương Minh Giảng, được ông Trương Vĩnh Ký đem về nuôi và đổi tên, cho đi Pháp học và là một trong 7, 10 người sáng lập viên ra Trường Thông Ngôn (Ecole des Interprètes) nằm trong Tòa Án, nhờ làm thông dịch viên lúc Traité de Patenôtre năm 1884 nên được vô quốc tịch Pháp, người mất lúc 55 tuổi vì bệnh lao phổi.

Vị anh hùng Đại Úy phi công của quân đội Pháp, xuất thân từ trường Võ Bị Saint-Cyr và là cựu sĩ quan Lê Dương mang tên Đỗ Hữu Vị có tên trên một đường từ bùng binh chợ Bến Thành đến đường Charner, trước đó đường này mang tên Hamelin sau này đổi lại là Huỳnh Thúc Kháng. Đại Úy Vị là con thứ năm của Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương, sau khi học trung học tại trường nổi danh Janson De

Sailly tại Paris, nhập học vô trường Saint-Cyr vào năm 1904. Trung Úy bên Bắc Phi, ông gia nhập vào binh chủng Không Quân vừa thành lập ; bị thương nặng Đại Úy Vị từ chối giải ngũ và trở về đơn vị Lê Dương và tử thương tại mặt trận tỉnh Somme năm 1916. Hài cốt được người anh cả là Đại Tá Đỗ Hữu Chấn đem về chôn cất trong nghĩa trang gia đình tại Chợ Lớn.

Nay Sài Gòn mất nhiều di tích ngày xưa, vì chiến tranh và vì sự thay đổi thời cuộc, tôi tiếc nhứt là hồi tháng ba năm 1983 đã sang bằng “Lăng Cha Cả”, có từ 1799 để lập một công trường mà chả thấy ai ngồi Hai người ngoại quốc đã ảnh hưởng Việt Nam nhiều nhứt là Alexandre de Rhodes và Pierre Joseph Pigneau de Béhaine, được dân Việt Nam biết dưới tên Bá Đa Lộc hay Evêque d’Adran, người đã giúp Nguyễn Ánh lên ngôi, đi với Hoàng Tử Nguyễn Phúc Cảnh qua triều đình vua Louis XVI để ký Hiệp Ước Versailles năm 1787. Tên thật là Pigneau, sau đó thêm vô sau tên ấp Béhaine của làng Origny-en-Thiérache mà gia đình có phần đất, thuộc tỉnh Aisne, trong vùng Picardie ở miền bắc nước Pháp. Vua Gia Long cất một ngôi nhà ở số 180 đường Richaud cho Bá Đa Lộc (nay vẫn là Tòa Tổng Giám Mục đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3) và đọc diếu văn khi người mất năm 1799. Mộ ông người Sài Gòn gọi là Lăng Cha Cả là một trong những di tích xưa nhứt của Sài Gòn “ở Gia Định” vào thời Gia Long, sau này ở trước trại Phi Long trên Tân Sơn Nhứt. Cốt của Cha Pigneau de Behaine được đem về Pháp năm 1983 và chôn trong nhà thờ Séminaire des Missions Etrangères, rue du Bac tại quận XV Paris. Tôi có viếng thăm nhà kỷ niệm của Cha Pierre Joseph Pigneau de Béhaine, ở làng Origny-en-Thiérache, trở thành từ năm 1953 “Musée Monseigneur Pigneau de Béhaine” và sau khi xem xong tâm hồn tôi thả về dĩ vãng của một Việt Nam oai hùng tranh đấu cả ngàn năm để giữ biên cương ...

Tôi cũng có dịp thăm viếng nhiều di tích của xứ Pháp từ thời Trung Cổ, nhiều lâu đài của Âu Châu và Nga Sô có từ thế kỷ XV, luôn cả những ngôi mộ bên Ai Cập có trước 11 nền văn hóa của Hy Lạp và tiếc rằng xứ tôi không biết giữ gìn những kho tàng quý giá của lịch sử.

Bác sĩ Trần Ngọc Quang

BÁO XUÂN SÀI GÒN XƯA

Cái thú đọc báo xuân của người Sài Gòn từ xưa đã trở thành nét văn hóa, nhắc nhở về khát vọng tươi đẹp, những giá trị nhân văn mà đến giờ vẫn còn nguyên giá trị.

Lâu nay, nhiều người vẫn cho rằng tờ báo đầu tiên trong nam làm báo xuân là Phụ Nữ Tân Văn vào năm 1930. Nhưng trên thực tế, hai năm trước đó, năm 1928, tờ Đông Pháp thời báo đã làm báo xuân. Trong số báo này có in nhiều bài viết về xuân, về tết như bài Chơi xuân của Tản Đà: “Người ta sanh ra ở đời, nếu chẳng chơi thì cũng thiệt, mỗi năm một lần xuân, nếu bỏ qua thì cũng hoài. Vậy chơi xuân cũng là phải, song mà cách chơi thế nào cho lịch sự...”.

Tài liệu ghi chép rành rành nhưng đến nay mọi người vẫn chọn tờ Phụ nữ tân văn, có lẽ vì tờ báo này tràn đầy nét xuân đậm đà hơn so với các ấn phẩm khác. Thật vậy, tờ báo xuân 1930 của Phụ nữ tân văn thật ấn tượng khi ngoài bìa in chữ xuân thật lớn và trình bày bài thơ: *“Vui xuân vui khắp xa gần/Lòng xuân phơi phới, chén xuân tàng tàng/Đốt hương nguyện với xuân hoàng/Sao cho nước cũ ngày càng thêm xuân?/Xuân tới xuân đi xuân chẳng ở/Có yêu xuân, xin chớ phụ ngày xuân...”*.



Bìa tờ Tin sớm số xuân 1971 ÁNH: L.M.Q.

Duy trì báo xuân

Vì sao làng báo Sài Gòn đã giữ gìn, phát huy được nét đẹp làm báo xuân? Có lần tôi hỏi nhà văn Sơn Nam, vốn một đời chỉ sống bằng nghề cầm bút, ngần ngừ một lát ông quả quyết, đại khái, ấn phẩm báo xuân ở trong nam tồn tại mãi chính là từ tấm lòng chịu chơi, tính cách hào phóng của dân Sài Gòn.

Cuối năm, sau khi quyết toán xong sổ sách, lời lỗ trong một năm, các vị chủ báo nghĩ rằng mình đã “kiếm com” quanh năm thì “năm hết tết đến” cũng phải chia ngọt xẻ bùi cùng cộng sự. Đó là tạo điều kiện cho họ có thể kiếm tiền xứng xứng tiêu tết. Các chủ báo cho giấy, tiền công in ấn để các ký giả, công nhân, tạp dịch... trong tòa soạn chủ động thực hiện một ấn phẩm đặc biệt.

Ấn phẩm này có trang in nhiều hơn, dày hơn, hình thức đẹp hơn, tất nhiên giá

bán cao hơn thường lệ và muốn bán được thì phải đầu tư chất lượng bài vở. Họ phát hành ấn phẩm đó rồi cùng chia nhau hưởng lợi. Nói cách khác, đây là cách thưởng “lương tháng 13” của chủ báo dành cho những người cộng sự đặc lực của mình trong suốt một năm cộng tác gắn bó.



Bìa tờ Sân khấu truyền hình xuân Nhâm Tý 1972.

Lật những trang báo xuân ngày trước

Tờ Tiếng Việt xuân 1971 in hình bìa là ca sĩ Phương Hồng Quế. Ngay trang đầu là dòng chữ “Cung chúc tân xuân” với hình ảnh thiếu nữ đội nón lá tung tăng bên ngàn hoa sắc thắm. Do năm Hợi nên không thể thiếu “Năm heo nói chuyện lợn”, âu cũng là nét chung của báo xuân thuở ấy, tức năm con gì thì bàn về con ấy ở góc độ lịch sử, văn hóa. Và thêm một “đặc sản” không thể thiếu là Sớ Táo quân, năm nào cũng có. Một hình thức sử dụng thể loại văn về tóm tắt tình hình, chính trị, xã hội, văn hóa trong năm qua.

Tờ Tin Sớm số xuân 1971 chọn bìa là tranh vẽ những chú ừn ngộ nghĩnh. Có nhiều cây bút nổi tiếng cộng tác như Bình Nguyên Lộc, Ái Lan, Thiếu Sơn... Trích lại đôi câu “Quê đâu năm” cà rỡn thân tình về nghệ sĩ thuở ấy. Chẳng hạn: “Bạch Tuyết: Mua nhà Thủ Đức, khỏe thân ghê/Gánh cũ vừa đi lại trở về/Danh vọng lên như điều gặp gió/Ông chồng còn được đóng xi nê”... Nay, đọc lại cũng vui vui.

Tờ Tin Sáng xuân 1971 ngoài bìa là bàn tay thả cánh chim bồ câu khát vọng hòa bình, có sự cộng tác Lý Chánh Trung, Sơn Nam, Kiên Giang, Hồ Mộng Thu, Cung Văn... Thú vị nhất là 2 trang biếm họa, hài hước Một năm chó đã qua do họa sĩ Diệp Đình vẽ theo dòng tin nổi cộm nhất trong năm qua. Tất nhiên không thể thiếu Tin vịt nghe qua rồi bỏ của cây bút phiếm hàng đầu thuở đó là Tư Trời Biển, theo tôi biết, bút danh này do nhiều người cùng ký.



Bìa tờ Minh tinh xuân 1973.

Tờ Thách đố, ca sĩ Thanh Tuyền và Thảo Ly được chọn cho bìa ấn phẩm xuân 1971.

Ngoài các bài xuân từ thể loại thơ, truyện ngắn, bút ký... là loạt bài về nghệ sĩ. Theo nhận định của báo này, trong năm 1970 tại miền Nam có “4 ban thoại kịch ăn khách nhất” là Ban Kim Cương, Ban Thẩm Thúy Hằng, Ban Sống Túy Hồng, Ban Dân Nam. Và họ cũng bình chọn “Diễn viên nổi bật nhất trong năm”: Ngọc Đức, Khả Năng, Thanh Tú, Diễm Kiều, Tú Trinh, Kiều Phượng Loan; và các phòng

trà nổi đình nổi đám...

Tờ Sân Khấu Truyền Hình số xuân năm 1972 là số báo khá độc đáo vì quy tụ các tên tuổi nổi tiếng trong nghệ sĩ. Năm qua, họ đã làm được gì, kế hoạch năm tới ra làm sao. Và đặc biệt là 4 trang in khổ lớn “Hợp soạn của 2 chiêm tinh gia nổi danh Huỳnh Liên - Minh Nguyệt”. Hai ông này cùng xem “Tử vi trọn năm” và “Cho số hên trọn năm để mua số kiến thiết!”. Có thể nói, chiêm tinh gia Huỳnh Liên “hot” nhất thời ấy, không một nhà báo chuyên nghiệp nào có thể “địch lại” mức độ xuất hiện dày đặc của ông trên các báo xuân thuở ấy.



Tờ Minh Tinh số xuân 1973, ngoài bìa là hình nghệ sĩ Thẩm Thúy Hằng. Ngay trang trong là hình ba thiếu nữ với trang phục bắc - trung - nam. Thú thật, nay đọc lại số báo này đôi lúc tôi tủm tỉm cười vì có nhiều hình ảnh “độc” về nghệ sĩ và cách viết dí dỏm của các ký giả, nhà văn như Hồ Ồm, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Hoàng Hương Trang, Phi Sơn... qua các bài như Nghệ sĩ đón tết, Xông đất làng văn nghệ văn gừng...

Ngược lên trước nữa, tờ Ngày mới số xuân 1959 đã “phá cách” là tranh vẽ in một màu cho tươi tắn, bắt mắt. Và quà tặng bạn đọc là “Tủ vi năm Kỷ Hợi”. Dù còn có khá nhiều tờ báo xuân khác đã sưu tập được nhưng do khuôn khổ bài báo, tôi tạm dừng và chọn lấy Lời nói đầu trong tờ Phụ nữ diễm đàn xuân 1963 như một lời chúc xuân: “Tin tưởng để phấn khởi. Hy vọng để nỗ lực. Góp sức để thành công. Đó là lý lẽ của mùa xuân tin tưởng vậy”.

Báo xuân VN có tự bao giờ?

Vinh dự này dành cho tờ Nam Phong Tạp Chí xuất bản trong thời gian 1917 - 1934 tại Hà Nội do nhà văn hóa Phạm Quỳnh chủ bút, ra hàng tháng. Tờ báo này có ảnh hưởng lớn trong giới trí thức VN những năm đầu thế kỷ 20. Năm 1918, Nam Phong Tạp Chí đã ra thêm một số xuân in toàn thơ văn có giá trị, nhưng không đánh theo số thứ tự, ngoài bì chỉ ghi “Số Tết 1918”. Đó là tờ báo xuân đầu tiên của làng báo VN.

Lê Minh Quốc